

MỘT SỐ PHÂN TÍCH VỀ CÁC XẾP HẠNG QUẢN TRỊ CÔNG Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tháng 12 năm 2021

Bài viết thể hiện quan điểm riêng của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức nơi các tác giả đang làm việc cũng như đơn vị tài trợ

MỤC LỤC

I.	Giới thiệu về quản trị công địa phương.....	5
II.	Đo lường chất lượng quản trị công	5
III.	Quản trị công tại tỉnh Bình Dương	9
1.	Khung phân tích tổng hợp	9
2.	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)	10
2.1.	Tổng quan	10
2.2.	Chỉ số nội dung 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở.....	11
2.3.	Chỉ số nội dung 2: Công khai, minh bạch trong ra quyết định.....	13
2.4.	Chỉ số nội dung 3: Trách nhiệm giải trình với người dân	15
2.5.	Chỉ số nội dung 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	17
2.6.	Chỉ số nội dung 5: Thủ tục hành chính công	20
2.7.	Chỉ số nội dung 6: Cung ứng dịch vụ công	21
2.8.	Chỉ số nội dung 7: Quản trị môi trường.....	24
2.9.	Chỉ số nội dung 8: Quản trị điện tử	25
2.10.	Đánh giá chung về PAPI của Bình Dương	26
3.	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).....	30
3.1.	Gia nhập thị trường.....	32
3.2.	Tiếp cận đất đai.....	34
3.3.	Tính minh bạch	36
3.4.	Chi phí thời gian	38
3.5.	Chi phí không chính thức.....	40
3.6.	Cạnh tranh bình đẳng.....	42
3.7.	Tính năng động của chính quyền.....	44
3.8.	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	46
3.9.	Đào tạo lao động	47
3.10.	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	49
3.11.	Đánh giá chung về chỉ số PCI.....	51
4.	Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).....	56
5.	Chỉ số chính quyền điện tử (ICT index).....	62
6.	Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI)	63

IV. Đánh giá về quản trị công tại Bình Dương	65
1. Đánh giá chung	65
2. Giải pháp cải thiện chất lượng quản trị công	68
2.1. Công cụ Dân chấm điểm M-score – Giải quyết vấn đề của Người dân và Doanh nghiệp	68
2.2. Quản trị thực thi – Nâng cao hiệu quả quản của cơ quan công quyền .	69
2.3. Xây dựng đội ngũ dám nghĩ, dám làm	71
2.4. Xây dựng liên minh triển khai và lực lượng ủng hộ	72
2.5. Phối hợp với những đối tác có lợi ích dài hạn	72

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Mô hình tăng trưởng nội sinh dưới góc nhìn quản trị.....	5
Hình 2. Những chỉ số đo lường hiệu quả quản trị công Việt Nam hiện nay.....	6
Hình 3. Ba quá trình chính sách.....	6
Hình 4. Khung phân tích chất lượng quản trị công tại Bình Dương.....	9
Hình 5: Chỉ số PAPI của Bình Dương qua các năm.....	10
Hình 6. Chỉ số nội dung 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở.....	11
Hình 7. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 1.....	12
Hình 8. Chỉ số nội dung 2: Công khai, minh bạch trong ra quyết định.....	13
Hình 9. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 2.....	14
Hình 10. Chỉ số nội dung 3: Trách nhiệm giải trình với người dân.....	16
Hình 11. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 3.....	16
Hình 12. Chỉ số nội dung 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công.....	18
Hình 13. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 4.....	18
Hình 14. Chỉ số nội dung 5: Thủ tục hành chính công.....	20
Hình 15. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 5.....	20
Hình 16. Chỉ số nội dung 6: Cung ứng dịch vụ công.....	22
Hình 17. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 6.....	22
Hình 18. Điểm số và thứ hạng PCI của tỉnh Bình Dương qua các năm.....	31
Hình 19. Tương quan thứ hạng PCI của tỉnh Bình Dương cùng các tỉnh lân cận và tương đương.....	31
Hình 20. Biểu đồ điểm số hợp phần gia nhập thị trường.....	33
Hình 21. Biểu đồ điểm số hợp phần tiếp cận đất đai.....	35
Hình 22. Biểu đồ điểm số hợp phần tính minh bạch.....	37
Hình 23. Biểu đồ điểm số hợp phần chi phí thời gian.....	39
Hình 24. Biểu đồ điểm số hợp phần chi phí không chính thức.....	41
Hình 25. Biểu đồ điểm số hợp phần cạnh tranh bình đẳng.....	43
Hình 26. Biểu đồ điểm số hợp phần tính năng động của chính quyền.....	45
Hình 27. Biểu đồ điểm số hợp phần dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.....	47
Hình 28. Biểu đồ điểm số hợp phần đào tạo lao động.....	48
Hình 29. Biểu đồ điểm số hợp phần thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.....	50
Hình 30. So sánh các hợp phần PCI của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019 - 2020.....	51
Hình 31. Chỉ số và xếp hạng PAR của Bình Dương (2012 - 2020).....	57
Hình 32. Nhóm chỉ số thành phần PAR có mức cải thiện tốt (2012 – 2020).....	57
Hình 33. Nhóm chỉ số thành phần PAR có mức cải thiện trung bình (2012 – 2020).....	59
Hình 34. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tỉnh Bình Dương (2017 - 2020).....	61
Hình 35. Chỉ số ICT của tỉnh Bình Dương qua các năm.....	62
Hình 36. Tổng hợp xếp hạng quản trị công tại Bình Dương năm 2020.....	66
Hình 37. Tổng hợp chất lượng quản trị công tại Bình Dương (2011 – 2020).....	67

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Điểm số và xếp hạng của Chỉ số Quản trị môi trường	24
Bảng 2. Điểm số và xếp hạng của Chỉ số Quản trị điện tử	25
Bảng 3. Xếp hạng các chỉ số nội dung của Bình Dương năm 2020	27
Bảng 4. Hợp phần gia nhập thị trường trong PCI các năm từ 2018 - 2020	32
Bảng 5. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Gia nhập thị trường’	33
Bảng 6. Hợp phần tiếp cận đất đai trong PCI các năm từ 2018 - 2020	34
Bảng 7. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Tiếp cận đất đai’	35
Bảng 8. Hợp phần tính minh bạch trong PCI (2018-2020).....	36
Bảng 9. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Tính minh bạch’	37
Bảng 10. Hợp phần chi phí thời gian trong PCI Việt Nam (2018 – 2020)	38
Bảng 11. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Chi phí thời gian’	39
Bảng 12. Hợp phần chi phí không chính thức trong PCI (2018-2020).....	40
Bảng 13. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Chi phí không chính thức’	41
Bảng 14. Hợp phần cạnh tranh bình đẳng trong PCI (2018 – 2020)	42
Bảng 15. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Cạnh tranh bình đẳng’	43
Bảng 16. Hợp phần tính năng động của chính quyền trong PCI (2018 – 2020).....	44
Bảng 17. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Tính năng động của chính quyền’	45
Bảng 18. Hợp phần tính năng động của chính quyền trong PCI (2018 – 2020).....	46
Bảng 19. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Đào tạo lao động’	48
Bảng 20. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự’	50
Bảng 21. Tổng hợp xếp hạng các chỉ số thành phần PCI tỉnh Bình Dương năm 2020	52
Bảng 22. Tóm tắt các chỉ số nội dung của Bình Dương	52
Bảng 23. Chỉ số ICT index của tỉnh Bình Dương năm 2020.....	63
Bảng 24. Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) của Bình Dương (2017 – 2020)	64

I. Giới thiệu về quản trị công địa phương

Quản trị là hình thức thực hành quyền lực trong quản lý các nguồn lực phát triển kinh tế và xã hội của một quốc gia (Ngân hàng Thế giới, 1992). Mối liên kết giữa quản trị địa phương và quản trị quốc gia phụ thuộc vào mức độ phân quyền giữa trung ương và địa phương. Theo Quyết số 21/2016 NQ-CP tập trung phân cấp, phân quyền vào 5 lĩnh vực: quản lý ngân sách nhà nước; quản lý doanh nghiệp nhà nước; quản lý đầu tư công; quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức; quản lý đất đai. Nghị quyết số 18-NQ/TW, hội nghị Trung ương lần thứ 6, khóa XII khẳng định: “Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền với trách nhiệm”.

Trong bối cảnh đó, việc đo lường chất lượng quản trị công tại các tỉnh, thành đã trở thành nhu cầu bức thiết, phản ánh năng lực và hiệu quả làm việc của bộ máy tại địa phương.

Quản trị có mối liên hệ trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế. Theo mô hình tăng trưởng nội sinh (Nordhaus Romer), kết quả sản xuất có thể được chia thành ba phần: phần do vốn tạo ra; phần do lao động tạo ra; và phần do nhân tố tổng hợp tạo ra. Diễn giải dưới góc nhìn quản trị, tăng trưởng kinh tế tại địa phương phụ thuộc vào 3 yếu tố: thể chế, con người (lao động) và vốn. Do vậy, nâng cao chất lượng quản trị công có tác động trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế trên địa bàn các tỉnh, thành.

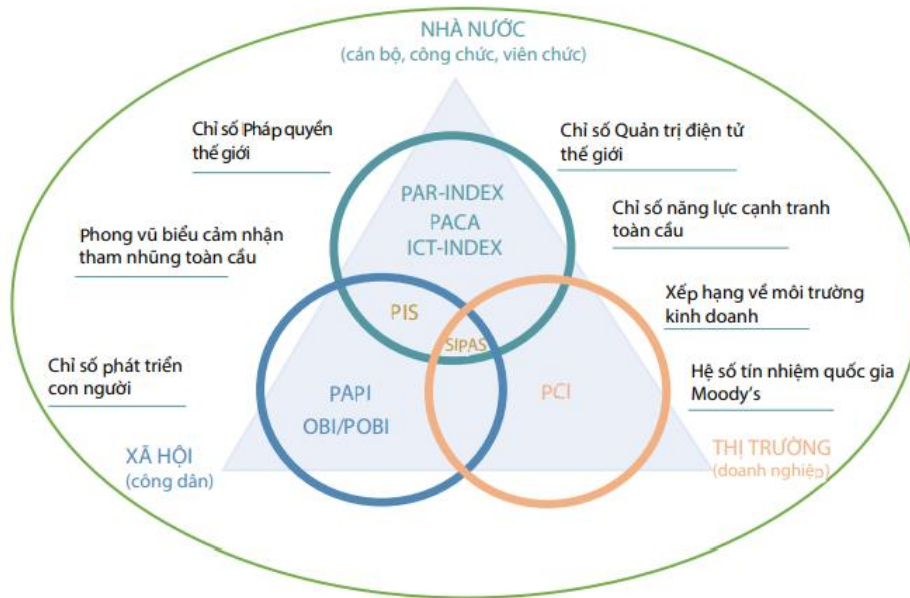
Hình 1. Mô hình tăng trưởng nội sinh dưới góc nhìn quản trị



II. Đo lường chất lượng quản trị công

Để có một bức tranh tổng hợp về chất lượng quản trị công tại một địa phương, cần đánh giá nền quản trị công từ cả 3 góc nhìn: nhà nước, doanh nghiệp (môi trường kinh doanh), và người dân. Những năm gần đây, việc áp dụng những bộ chỉ số đã cho phép đánh giá chất lượng quản trị công từ 3 góc nhìn trên. Những chỉ số đo lường hiệu quả quản trị công Việt Nam được trình bày trong hình dưới đây:

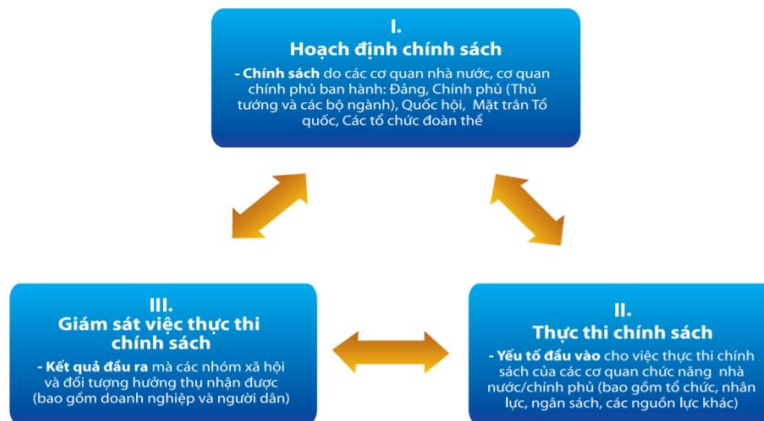
Hình 2. Những chỉ số đo lường hiệu quả quản trị công Việt Nam hiện nay



Nguồn: PAPI 2020

Tạo nên quá trình quản trị công là ba quá trình chính sách có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: hoạch định chính sách, thực thi chính sách, và giám sát thực thi chính sách.

Hình 3. Ba quá trình chính sách



Nguồn: PAPI 2020

Hoạch định chính sách đóng vai trò then chốt trong công tác quản trị công, vì đây là một quy trình xác định các quy tắc chi phối, tác động đến việc thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công. Các quyết sách có thể ảnh hưởng đến hành vi, và do đó nâng cao hoặc làm giảm chất lượng và độ tin cậy của dịch vụ công. Hơn nữa, các quy trình hoạch định chính sách có sự tham gia phối hợp và đối thoại có thể dẫn đến hiệu quả thực thi cao hơn. Ngoài ra, quy trình hoạch định chính sách ở cấp tỉnh rất quan trọng và thiết yếu, vì nó không chỉ đơn thuần đảm bảo các chính sách ở cấp quốc gia được hiểu đầy đủ và nhất quán, mà còn bởi cấp địa phương cần xem xét triển khai những chính

sách đó sao cho phù hợp nhất với điều kiện địa phương, dựa trên ý kiến phản ánh và kiến nghị của người dân sử dụng dịch vụ của nhà nước.

Khi một quyết sách được đưa ra là có một sự dịch chuyển từ ý định (đạt được kết quả) sang thực hiện (sản phẩm đầu ra được hiện thực hóa). Theo nghĩa đó, **thực thi chính sách chính** là những đầu vào, cơ chế, nguồn lực và năng lực cần thiết của khu vực công nhằm đảm bảo các điều kiện cung ứng dịch vụ công. Quy trình này đòi hỏi phải có sự giám sát thường xuyên về tình hình hoạt động của bộ máy hành chính, của từng lĩnh vực hay một ngành cụ thể. Trong quá trình thực hiện, công tác giám sát rất hữu ích vì nó giúp xác định được những ưu và khuyết điểm so với những tiêu chí và mục tiêu đã được đề ra từ đầu.

Quy trình thứ ba, **giám sát thực thi chính sách**, trực tiếp liên quan đến quy trình thực thi.

Trên cơ sở ba quá trình chính sách trên, thường có hai cách để đánh giá hiệu quả thực thi. Cách thứ nhất là đánh giá từ góc độ người cung cấp dịch vụ dưới hình thức tự đánh giá (từ phía cung). Cách thứ hai là cơ chế đánh giá dựa trên mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ (từ phía cầu), trong đó yêu cầu người dân bày tỏ quan điểm và kinh nghiệm của mình về độ bao phủ và chất lượng của dịch vụ. Có nghĩa là, cách thứ nhất là đánh giá từ phía cung, còn cách thứ hai là từ phía cầu.

Cách đánh giá thứ nhất (từ phía cung) được áp dụng trong các bộ Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), ICT index và Chỉ số phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh (PACA).

PAR đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các bộ và tỉnh, chủ yếu dựa trên phương pháp tự đánh giá với sự tham gia của các đơn vị trực tiếp triển khai chính sách, các đơn vị theo điều tra của xã hội học. Các tiêu chí chính của PAR gồm Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; Cải cách thủ tục hành chính; Hiện đại hóa hành chính.

Bắt đầu từ năm 2005, ICT Index là chỉ số chính thống đánh giá toàn diện mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trên cả nước hàng năm, với các bộ chỉ số riêng cho khối Bộ, ngành và khối tỉnh, thành phố. Xếp hạng ICT Index là cơ sở để Bộ Thông tin và Truyền thông và chính quyền các địa phương đưa ra các quyết sách phù hợp, lựa chọn lĩnh vực ưu tiên đầu tư, thúc đẩy để phát triển ngành công nghệ thông tin và công nghiệp công nghệ thông tin trên cả nước. Bộ chỉ số Vietnam ICT Index được phân thành 5 nhóm chỉ số về: hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến và đánh giá về công nghiệp công nghệ thông tin của địa phương; với trên 100 chỉ tiêu và được thực hiện điều tra, thống kê và đánh giá, kiểm tra độc lập.

Chỉ số PACA lượng hóa công tác phòng, chống tham nhũng tại các cơ quan quản lý nhà nước. Việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh bao gồm 4 nội dung là: Đánh giá công tác quản lý nhà nước về PCTN, đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa, đánh giá việc phát hiện các hành vi tham nhũng, đánh giá việc xử lý các hành vi tham nhũng. Chỉ số PACA hiện nay chưa được công bố rộng rãi.

Cách đánh giá thứ hai (từ phía cầu) được áp dụng trong Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số công khai ngân sách cấp tỉnh (POBI).

PAPI đánh giá phương diện thực thi chính sách, phản ánh tính đa chiều của tiến trình cải cách bằng việc tìm hiểu đánh giá của người dân về hiệu quả thực tiễn của công tác quản trị và dịch vụ hành chính công có tác động trực tiếp đến đời sống của họ. Từ những kết quả thu được, PAPI cung cấp thông tin cho quá trình hoạch định chính sách cũng như góp phần cải thiện hiệu quả thực thi chính sách. Để làm điều này, PAPI chia nhỏ thước đo về quản trị và hành chính công thành sáu trục nội dung đúc rút từ kinh nghiệm quốc tế song phản ánh những điểm mạnh và điểm yếu ở từng khía cạnh cụ thể phù hợp với bối cảnh Việt Nam: i) sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở, (ii) trách nhiệm giải trình với người dân, (iii) công khai, minh bạch, (iv) kiểm soát tham nhũng, (v) thủ tục hành chính công và (vi) cung ứng dịch vụ công.

Chỉ số Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) – Chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố tại Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Chỉ số PCI tìm hiểu và lý giải vì sao một số tỉnh, thành vượt lên các tỉnh, thành khác về phát triển kinh tế tư nhân, tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế. Đây là nguồn thông tin tham khảo hữu ích cho lãnh đạo các tỉnh, thành phố nói riêng, cũng như các nhà hoạch định chính sách nói chung, có thể xác định những điểm nghẽn trong điều hành chính tế cũng như lựa chọn những giải pháp phù hợp để tiến hành những cải cách điều hành kinh tế một cách hiệu quả nhất.

PCI bao gồm 10 chỉ số thành phần: 1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; 2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; 3) Môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai; 4) Chi phí không chính thức thấp; 5) Thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; 6) Môi trường cạnh tranh bình đẳng; 7) Chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; 8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, chất lượng cao; 9) Chính sách đào tạo lao động tốt; 10) Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả và an ninh trật tự được duy trì.

SIPAS đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Chỉ số SIPAS là thước đo phản ánh kết quả đánh giá của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thông qua việc cung cấp các dịch vụ hành chính công cụ thể. Tiêu chí đo lường SIPAS có 05 yếu tố cơ bản của quá trình cung ứng dịch vụ hành chính công, gồm: Tiếp cận dịch vụ hành chính công của cơ quan hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Công chức giải quyết công việc; Kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công và Tiếp nhận, giải quyết góp ý, phản ánh, kiến nghị. SIPAS được tích hợp để trở thành 1 phần của báo cáo PAR.

Chỉ số công khai ngân sách (POBI) là khảo sát đầu tiên ở Việt Nam về mức độ công khai ngân sách tỉnh. Đây là công cụ giúp các tỉnh, thành phố có thể tham chiếu và đo

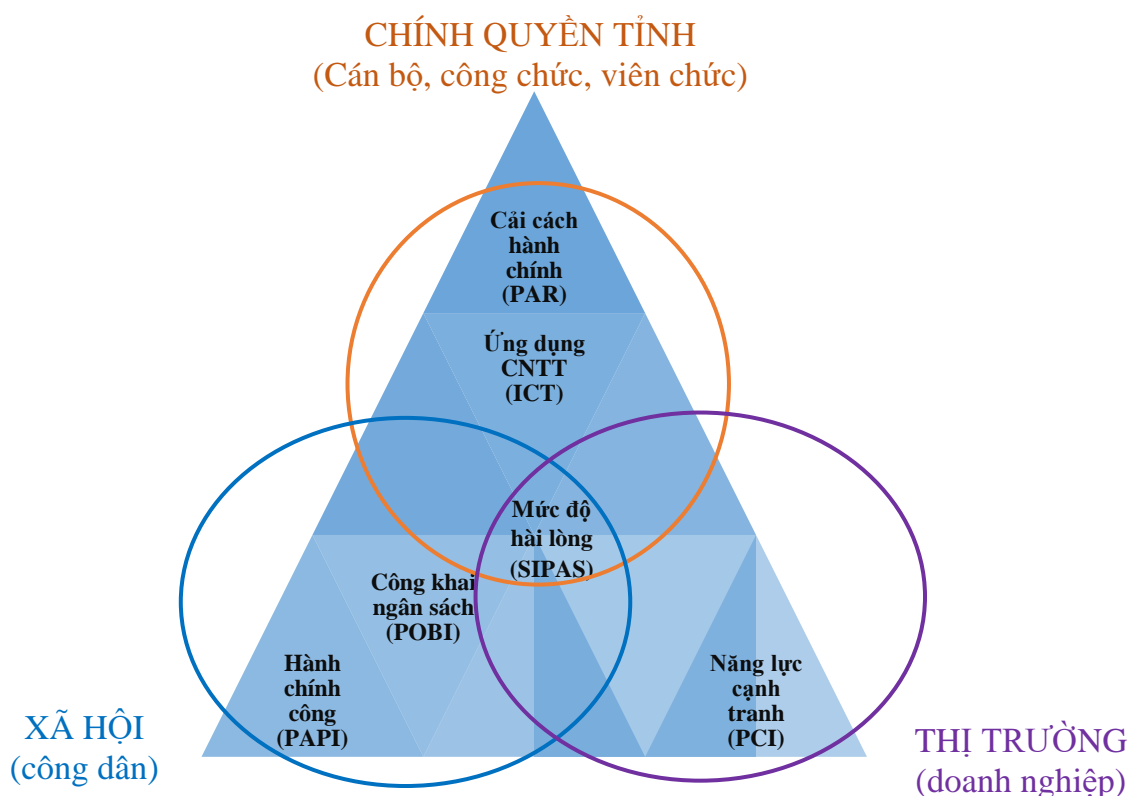
đặc mức độ công khai, minh bạch trong quản lý NSNN và mức độ thực thi Luật NSNN năm 2015. POBI là cũng là công cụ giúp cho Việt Nam thực hiện ngày càng tốt hơn nỗ lực cải cách hành chính và tài khoá góp phần thực hiện cam kết với mục tiêu phát triển bền vững SDG 16 về minh bạch, giải trình có sự tham gia của người dân.

III. Quản trị công tại tỉnh Bình Dương

1. Khung phân tích tổng hợp

Vận dụng khung các chỉ số đo lường hiệu quả quản trị công tại Việt Nam hiện nay, khung phân tích chất lượng quản trị công của Bình Dương được mô tả như hình dưới đây. Theo đó, chất lượng quản trị công của Bình Dương được phản ánh qua góc nhìn của 3 trụ cột là Nhà nước (Chính quyền tỉnh), Xã hội (công dân) và Thị trường (doanh nghiệp).

Hình 4. Khung phân tích chất lượng quản trị công tại Bình Dương



Trong đó, các chỉ số Cải cách hành chính (PAR index) và Ứng dụng CNTT (ICT index) đo lường chất lượng quản trị công từ góc nhìn của Chính quyền tỉnh, với nội dung liên quan đến các hoạt động nội bộ trong hệ thống cơ quan công quyền. Các chỉ số này do cơ quan thực thi và cơ quan đo lường đánh giá, thẩm định.

Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) và Chỉ số công khai ngân sách cấp tỉnh (POBI) đo lường chất lượng quản trị dưới góc nhìn của Xã hội (công dân). Các khảo sát tương ứng do người dân thực hiện đánh giá.

Chỉ số Năng lực cạnh tranh (PCI) phản chiếu chất lượng quản trị công đối với thị trường (doanh nghiệp). Do vậy, doanh nghiệp là đối tượng trực tiếp tham gia đánh giá.

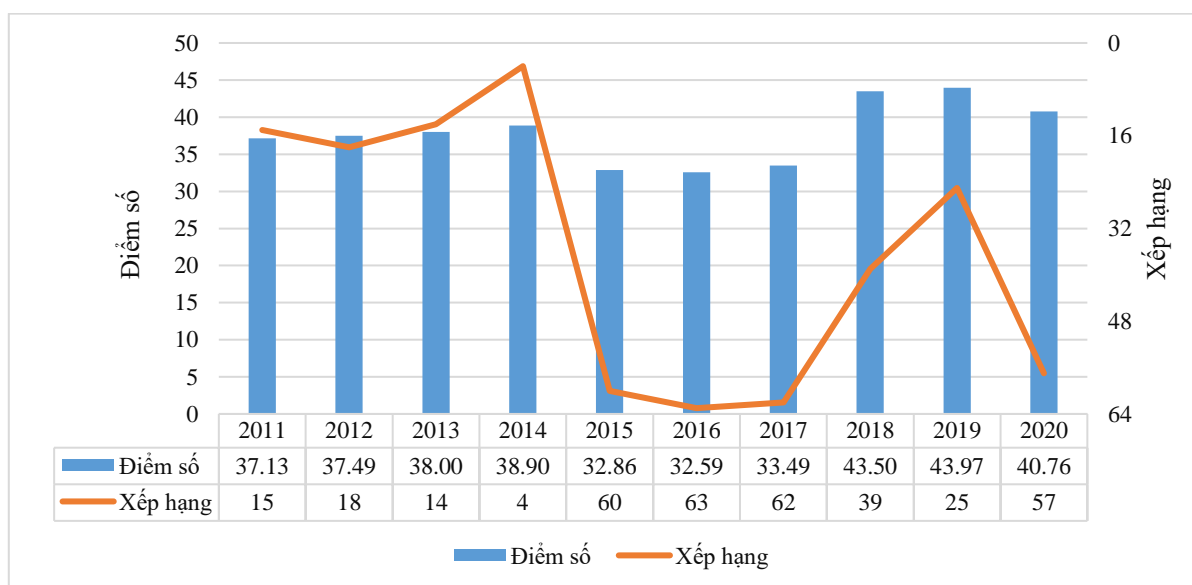
Ngoài ra, chỉ số SIPAS đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Đây là chỉ số có sự tổng hòa, có sự tham gia của cả người dân và các tổ chức.

2. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)

2.1. Tổng quan

Sự thay đổi trong điểm số và xếp hạng PAPI của Bình Dương cho thấy địa phương đã có những nỗ lực trong nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công, tuy nhiên tốc độ cải thiện rất thiếu ổn định và chưa bắt kịp đà tăng của các địa phương khác. Từ năm 2011 đến 2014, chỉ số và xếp hạng của tỉnh có xu hướng cải thiện tích cực, từ nhóm trung bình cao vươn lên nhóm cao. Tuy nhiên, giai đoạn 2015 – 2017, chỉ số này có dấu hiệu đi xuống, đẩy thứ hạng Bình Dương rơi mạnh xuống nhóm thấp nhất. Tình trạng này có sự cải thiện rõ rệt sau đó, nhưng tỉnh trở lại nhóm thấp nhất vào năm 2020.

Hình 5: Chỉ số PAPI của Bình Dương qua các năm



Trong PAPI, có một vài chỉ số nội dung tỉnh Bình Dương thể hiện rất tốt, như “Thủ tục hành chính công” thuộc nhóm cao điểm nhất trên cả nước. Tuy nhiên, Bình Dương còn xếp hạng trung bình thấp và thấp trong các chỉ số còn lại. Điều này khiến bức tranh PAPI của Bình Dương chủ yếu là những gam màu đậm sắc, đòi hỏi sự cải thiện.

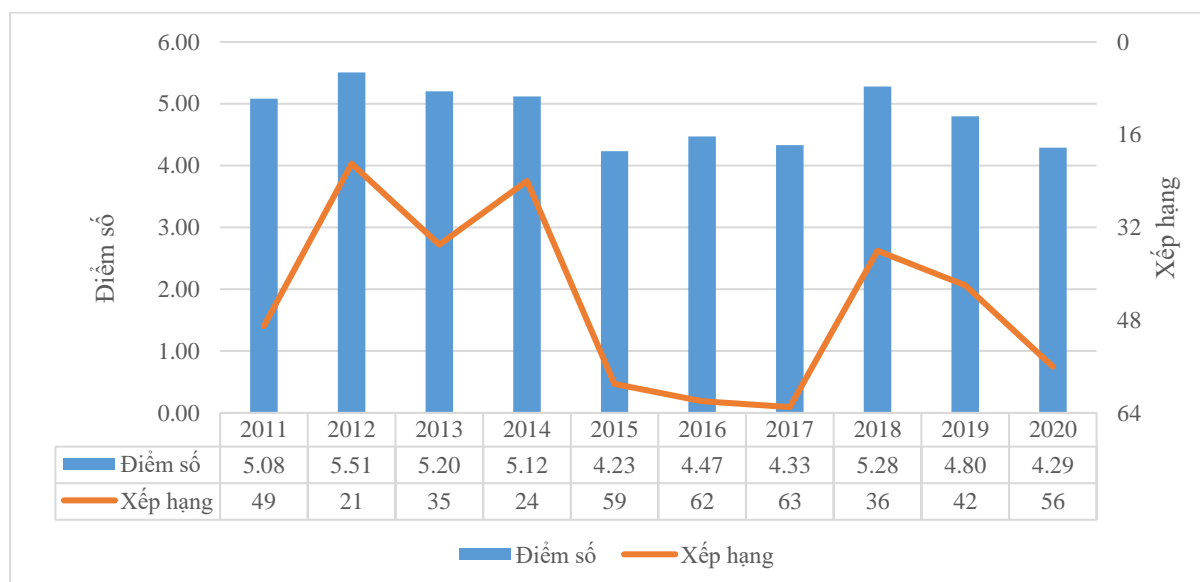
Những nỗ lực của tỉnh gần đây trong hiện đại hóa các thủ tục hành chính công, đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ là những bước đi cần thiết. Tuy nhiên, như sẽ phân tích dưới đây, cần một cách tiếp cận toàn diện hơn nữa để nâng cao chỉ số PAPI nói riêng và chất lượng quản trị công nói chung của tỉnh.

2.2. Chỉ số nội dung 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở

Tham gia tích cực và chủ động vào đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương là quyền hiến định của mọi người dân, đặc biệt là những người từ 18 tuổi trở lên. Việc tham gia đó có ý nghĩa quan trọng để người dân phát huy quyền làm chủ, góp phần cải thiện hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật ở địa phương. Chỉ số nội dung ‘Tham gia của người dân ở cấp cơ sở’ đo lường tri thức công dân về quyền tham gia và mức độ hiệu quả của các cấp chính quyền trong việc tạo điều kiện để người dân thực hành tốt nhất quyền tham gia đó.

Chỉ số nội dung 1 “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở” của Bình Dương có xếp hạng thấp trong tương quan với các tỉnh, thành khác. Giai đoạn 2011 - 2020, chỉ số nội dung 1 có sự giai động mạnh theo các giai đoạn. Từ năm 2015, chỉ số này có xu hướng sụt giảm về cả điểm số và xếp hạng, phục hồi không ổn định vào năm 2018. Năm 2020, chỉ số “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở” giảm còn 4.29 điểm, xếp hạng 56 cả nước.

Hình 6. Chỉ số nội dung 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở



Nguồn: PAPI Việt Nam

Trong đó, lực giảm chủ yếu đến từ chỉ số thành phần “Đóng góp tự nguyện”, từ nhóm xếp hạng cao năm 2011 xuống nhóm xếp hạng thấp năm 2020. Trong giai đoạn 2011 – 2020, các yếu tố cấu thành của chỉ số “Đóng góp tự nguyện” đều giảm nhanh. Điều này có thể liên hệ với công tác của Ban giám sát đầu tư cộng đồng và Ban thanh tra dân nhân đã không còn được quan tâm đúng mức sau giai đoạn 2017 – 2018 thực hiện thông tri Thông tri số 25/TTr-MTTW-BTT của MTTQ Việt Nam.

Chỉ số thành phần “chất lượng bầu cử” duy trì ở mức xếp hạng trung bình thấp và thấp. Điều này thể hiện địa phương cần chú trọng hơn nữa trong tuyên truyền và tổ chức bầu cử trường thôn/tổ trưởng tổ dân phố.

Chỉ số thành phần “Cơ hội tham gia” có sự biến thiên mạnh về xếp hạng và điểm số, từng xếp hạng ở nhóm cao và nhóm trung bình cao giai đoạn 2012 - 2014. Tuy nhiên,

giai đoạn 2015 – 2020, chỉ số này thường xuyên ở nhóm thấp và trung bình thấp (ngoại trừ năm 2018). Điều này chủ yếu đến từ tỷ lệ người dân tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội và tham gia bầu cử các cấp ở mức thấp.

Chỉ số thành phần “Tri thức công dân” diễn biến theo xu hướng chung của Chỉ số nội dung, có sự cải thiện giai đoạn 2011 – 2014, nhưng xuống thấp giai đoạn 2015 – 2017 và cải thiện không ổn định giai đoạn 2018 - 2020.

Hình 7. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 1



Điểm sáng của Bình Dương gồm:

- Tỷ lệ người trả lời cho biết hình thức bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố là bỏ phiếu kín đạt mức cao (100%), thuộc nhóm các tỉnh cao nhất cả nước.
- Hiểu biết của người dân về về chính sách hiện hành và vị trí lãnh đạo đạt mức trung bình cao của cả nước.

Những điểm trọng tâm cần cải thiện gồm:

- Tỷ lệ người dân tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội và tham gia bầu cử các cấp thường ở mức thấp và trung bình thấp;

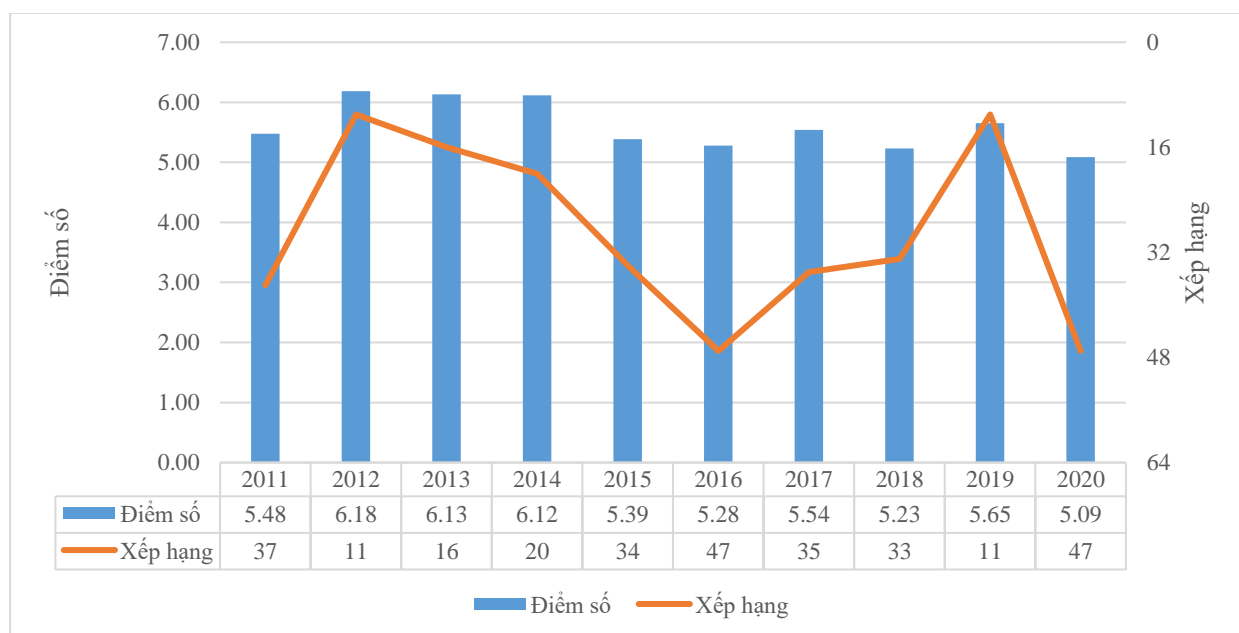
- Tính minh bạch, công khai trong các cuộc bầu cử hiện mới chỉ ở mức trung bình;
- Tỷ lệ người tham gia đóng góp tự nguyện và tham gia vào việc quyết định xây mới/tu sửa công trình công cộng thuộc nhóm thấp nhất cả nước. Vì vậy, tỉnh cần tăng cường công tác tuyên truyền kết hợp với nâng cao năng lực của Ban giám sát đầu tư cộng đồng và Ban thanh tra nhân dân.

2.3. Chỉ số nội dung 2: Công khai, minh bạch trong ra quyết định

Chỉ số này đo lường tính công khai hóa, minh bạch hóa thông tin nhằm đáp ứng “quyền được biết” của người dân về những chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đời sống và sinh kế của họ. Chỉ số nội dung ‘Công khai, minh bạch’ gồm bốn chỉ số thành phần, gồm (i) tiếp cận thông tin; (ii) công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo; (iii) công khai, minh bạch ngân sách cấp xã; và (iv) công khai, minh bạch quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và khung giá bồi thường thu hồi đất. Đây là những lĩnh vực chính quyền các cấp phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn (Pháp lệnh THDCCS) và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như Luật Đất đai (sửa đổi năm 2013), Luật Ngân sách nhà nước (năm 2015) và Luật Tiếp cận thông tin (năm 2016), nhằm đảm bảo quyền “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”

Chỉ số nội dung 2 “Công khai minh bạch trong ra quyết định” có xếp hạng trung bình thấp trong tương quan với các tỉnh, thành khác. Phân tích theo chuỗi thời gian, chỉ số nội dung này tương đối ổn định quanh mức 5,0 – 6,0 điểm. Xếp hạng giảm mạnh trong giai đoạn 2011- 2016, và có xu hướng cải thiện không bền vững trong giai đoạn 2017 – 2020. Năm 2020, Bình Dương đạt 5,09 điểm, xếp hạng 47 cả nước.

Hình 8. Chỉ số nội dung 2: Công khai, minh bạch trong ra quyết định



Trong đó, tỉnh Bình Dương tốt nhất ở chỉ số thành phần “Tiếp cận thông tin” và “Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá bồi thường thu hồi đất”. Đây là các chỉ số có sự cải thiện mạnh mẽ trong nhiệm kỳ 2018 – 2020.

Chỉ số thành phần “Công khai danh sách hộ nghèo” từng đạt mức xếp hạng thuộc nhóm cao năm 2019. Tuy nhiên, năm 2020, chỉ số này có sự đi xuống của cả xếp hạng và điểm số, thuộc nhóm trung bình thấp.

Chỉ số “Thu, chi ngân sách cấp xã, phường” có xu hướng giảm điểm và cải thiện thiếu bền vững. Năm 2020, chỉ số này xếp hạng 61, thuộc nhóm các tỉnh thấp nhất cả nước.

Hình 9. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 2



Những điểm sáng của Bình Dương gồm:

- Người dân có điều kiện tốt để tiếp cận thông tin chính sách, pháp luật từ chính quyền (xếp thứ 12 toàn quốc).
- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bồi thường thu hồi đất thuộc nhóm trung bình cao (xếp thứ 20 toàn quốc).

- Thông tin cho người dân, sử dụng đất đúng mục đích sau khi thu hồi từ người dân (xếp trong nhóm thứ 1 toàn quốc).

Những điểm trọng tâm cần cải thiện gồm:

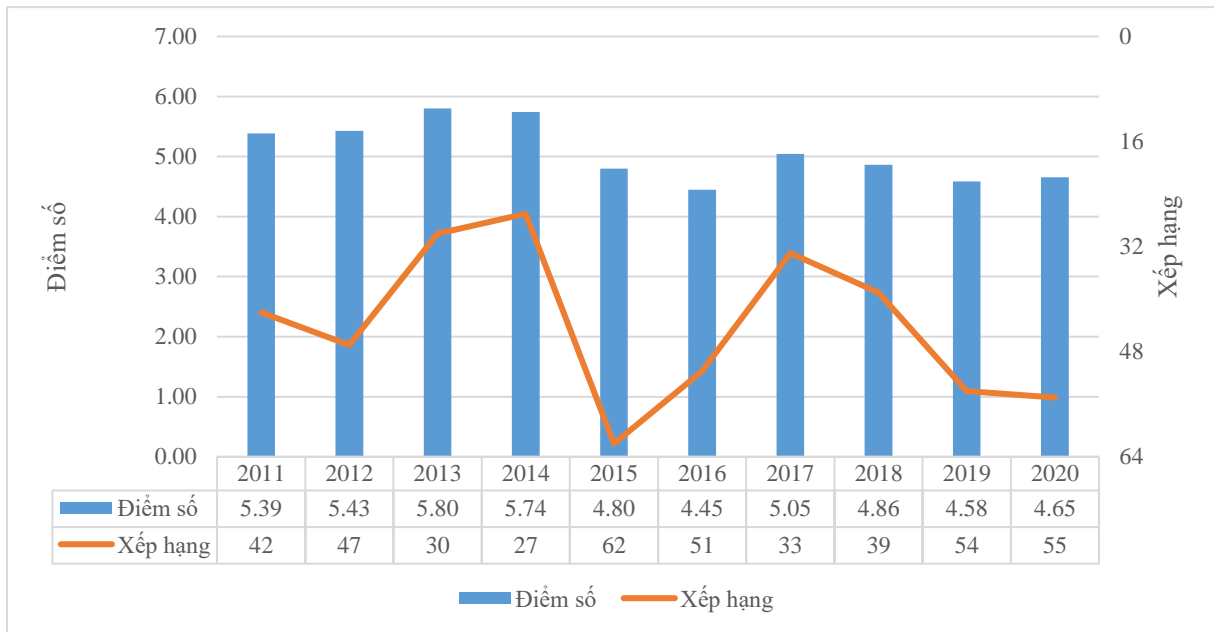
- Công tác bình chọn và công khai danh sách hộ nghèo có xếp hạng thấp và trung bình thấp.
- Tính công khai trong thu, chi ngân sách cấp xã/phường chưa cao (xếp thứ 61 toàn quốc)
- Tích cực tuyên truyền, tiếp thu ý kiến người dân trong quy hoạch sử dụng đất, (xếp hạng 53 cả nước).

2.4. Chỉ số nội dung 3: Trách nhiệm giải trình với người dân

Chỉ số nội dung này gồm ba nội dung thành phần: (i) ‘Mức độ và hiệu quả tương tác với chính quyền địa phương’; (ii) ‘Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân’ và (iii) ‘Tiếp cận dịch vụ tư pháp’. Những chỉ báo cụ thể hai nội dung thành phần đầu đo lường hiệu quả của các cuộc tiếp xúc công dân của các cấp chính quyền theo quy định của Luật tiếp công dân 2013 và về tính chủ động của công dân và chính quyền trong việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo, giúp các cấp chính quyền đánh giá phần nào hiệu quả thực thi Luật Khiếu nại 2011 và Luật Tố cáo 2011. Nội dung thành phần ‘Tiếp cận dịch vụ tư pháp’ đánh giá mức độ tin tưởng vào tòa án và cơ quan tư pháp địa phương, việc tiếp cận tòa án địa phương hoặc các cơ chế phi tòa án khi người dân cần giải quyết các tranh chấp dân sự.

Chỉ số nội dung 3 “Trách nhiệm giải trình với người dân” thường xuyên xếp hạng ở nhóm thấp và trung bình thấp. Phân tích theo chuỗi thời gian, chỉ số nội dung này có xu hướng giảm trong giai đoạn 2011 – 2020. Xếp hạng chỉ số nội dung này không ổn định. Năm 2020, Bình Dương đạt 4,65 điểm, xếp hạng 55 cả nước.

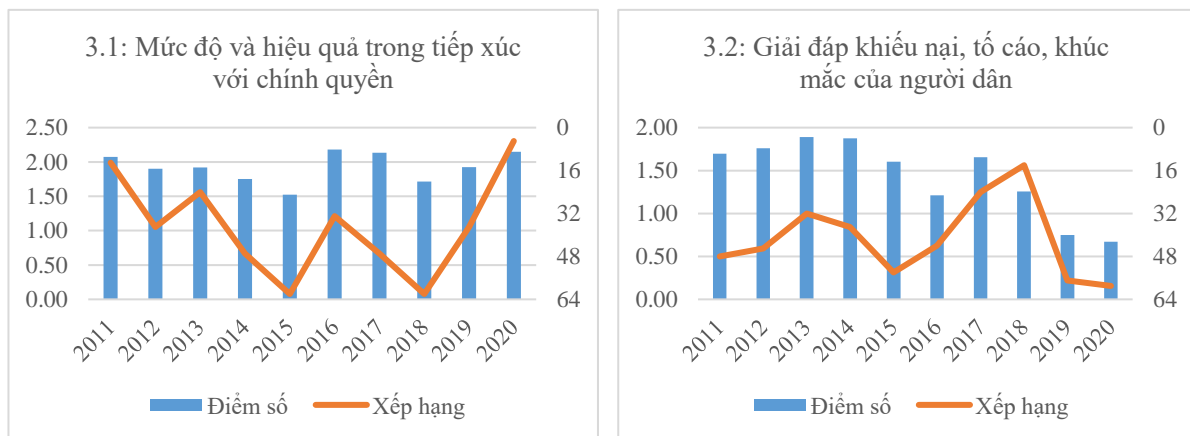
Hình 10. Chỉ số nội dung 3: Trách nhiệm giải trình với người dân

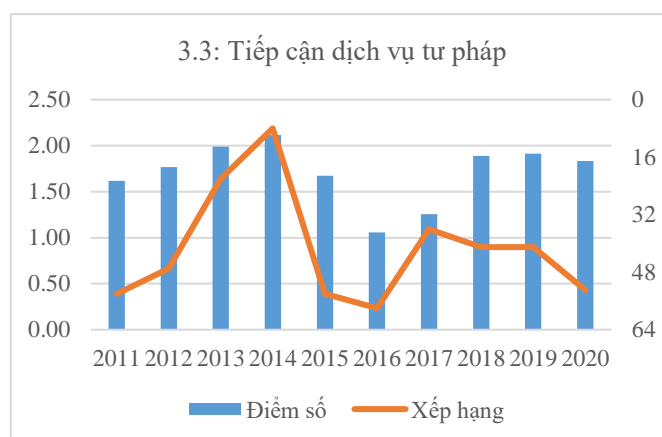


Trong các chỉ tiêu thành phần, tỉnh Bình Dương tốt nhất ở chỉ số thành phần “Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền” (xếp hạng 5). Giai đoạn 2018 – 2020, điểm số và xếp hạng của Bình Dương đã có sự cải thiện mạnh mẽ, từ nhóm thấp lên nhóm cao của cả nước.

Chỉ số thành phần “Tiếp cận dịch vụ tư pháp” và “Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân” có biên độ thay đổi lớn trong những năm qua. Những cải thiện trong các chỉ số này thiếu bền vững và hiện xếp hạng ở nhóm thấp, lần lượt ở mức 53 và 59 toàn quốc.

Hình 11. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 3





Nhóm thấp

Điểm sáng của Bình Dương gồm:

- Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ với các cá nhân, đoàn thể có trách nhiệm tại địa phương để giải quyết các khúc mắc đạt mức cao, xếp hạng thứ 3-5 cả nước. Đây là động lực chính giúp chỉ số thành phần “Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền” đạt xếp hạng ở nhóm cao.

Những điểm trọng tâm cần cải thiện gồm:

- Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cá nhân, đoàn thể có trách nhiệm tại địa phương để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt còn ở mức trung bình.
- Công tác giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân chưa được đánh giá cao, xếp hạng 59 cả nước.
- Khả năng tiếp cận dịch vụ tư pháp và niềm tin vào tòa án địa phương thuộc nhóm thấp của cả nước.

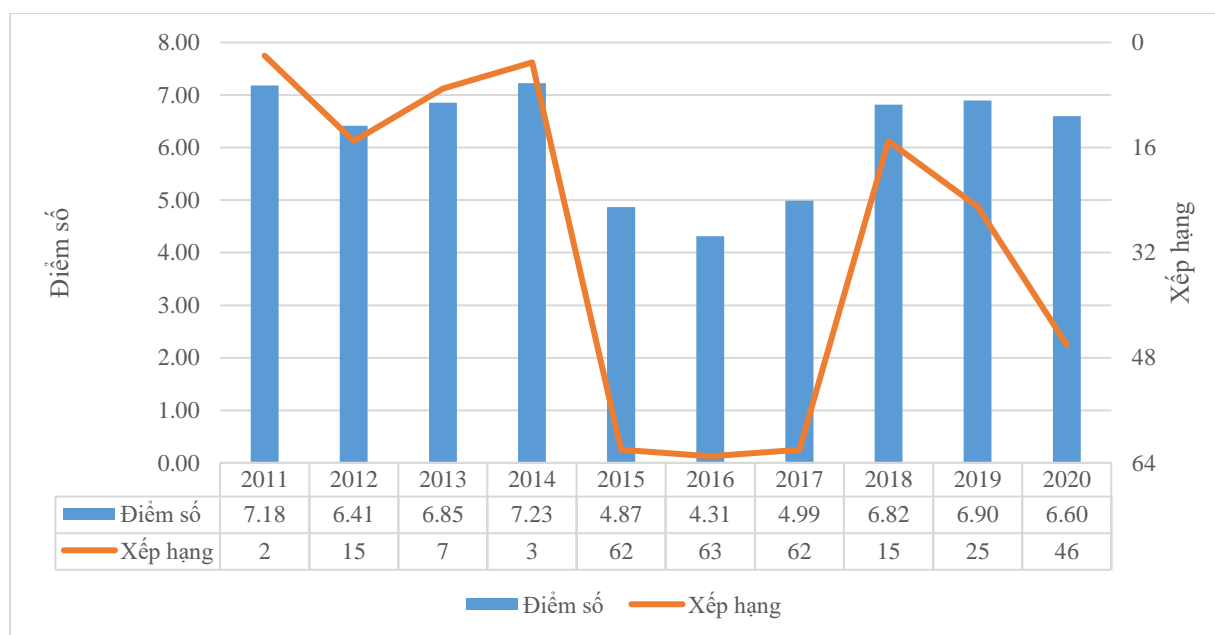
2.5. Chỉ số nội dung 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

Chỉ số nội dung này đo lường cảm nhận và trải nghiệm của người dân về hiệu quả phòng, chống tham nhũng của các cấp chính quyền qua bốn nội dung thành phần. Chỉ số cũng phản ánh mức độ chịu đựng tham nhũng của người dân cũng như sự quyết tâm giảm thiểu tham nhũng của chính quyền và người dân. Bốn nội dung thành phần cấu thành Chỉ số nội dung 4 gồm ‘Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương’, ‘Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công’, ‘Công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công’ và ‘Quyết tâm chống tham nhũng’.

Chỉ số nội dung 4 “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” có xếp hạng trung bình thấp trong tương quan với các tỉnh, thành khác. Điểm số của chỉ số này xuống thấp trong giai đoạn 2015 – 2017 và cải thiện không bền vững giai đoạn 2018 -2020. Năm 2020, Chỉ số nội dung 4 “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” của Bình Dương

đạt 6,60 điểm, xếp hạng 46 của cả nước. Như vậy, Bình Dương cần nỗ lực rất lớn để cải thiện chỉ số trên.

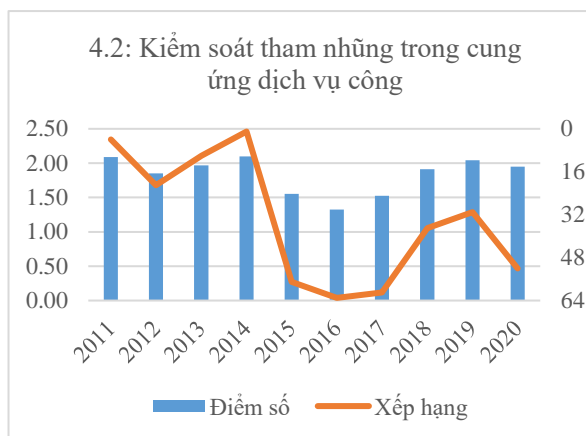
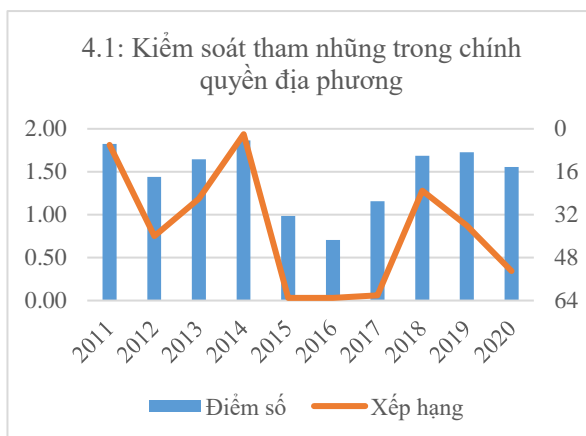
Hình 12. Chỉ số nội dung 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công



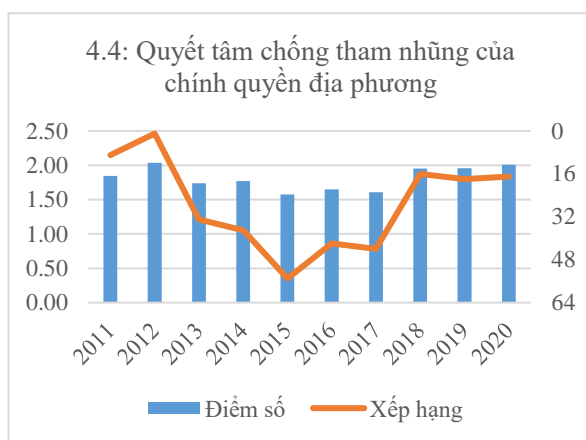
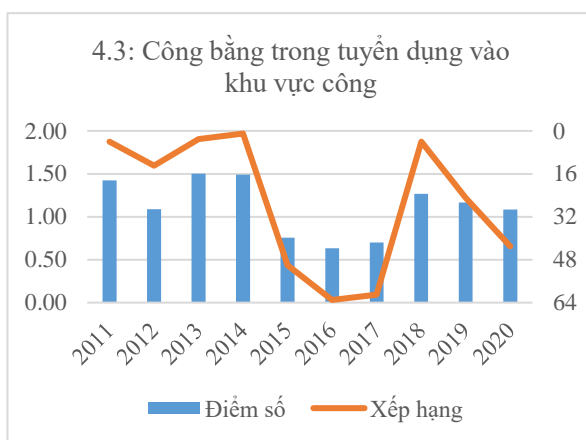
Chỉ số nội dung này gồm ba nội dung thành phần: (i) ‘Mức độ và hiệu quả tương tác với chính quyền địa phương’; (ii) ‘Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân’ và (iii) ‘Tiếp cận dịch vụ tư pháp’. Những chỉ báo cụ thể hai nội dung thành phần đầu đo lường hiệu quả của các cuộc tiếp xúc công dân của các cấp chính quyền theo quy định của Luật tiếp công dân 2013 và về tính chủ động của công dân và chính quyền trong việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo, giúp các cấp chính quyền đánh giá phần nào hiệu quả thực thi Luật Khiếu nại 2011 và Luật Tố cáo 2011. Nội dung thành phần ‘Tiếp cận dịch vụ tư pháp’ đánh giá mức độ tin tưởng vào tòa án và cơ quan tư pháp địa phương, việc tiếp cận tòa án địa phương hoặc các cơ chế phi tòa án khi người dân cần giải quyết các tranh chấp dân sự

Trong các chỉ số thành phần, ngoại trừ chỉ số “quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương” có sự cải thiện rõ rệt giai đoạn 2018 – 2020 và đạt xếp hạng trung bình cao, các chỉ số khác đều cải thiện thiếu bền vững và xếp hạng ở nhóm thấp, trung bình thấp.

Hình 13. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 4



Nhóm thấp **Nhóm thấp**



Nhóm trung bình thấp **Nhóm trung bình cao**

Điểm sáng của Bình Dương gồm:

- Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương được đánh giá ở mức tốt, xếp thứ 17 cả nước.
- Mức tiền đòi hỏi lộ người dân bắt đầu tố cáo giảm liên tục trong những năm qua (năm 2020 xếp hạng thứ 8 cả nước).

Những điểm trọng tâm cần cải thiện gồm:

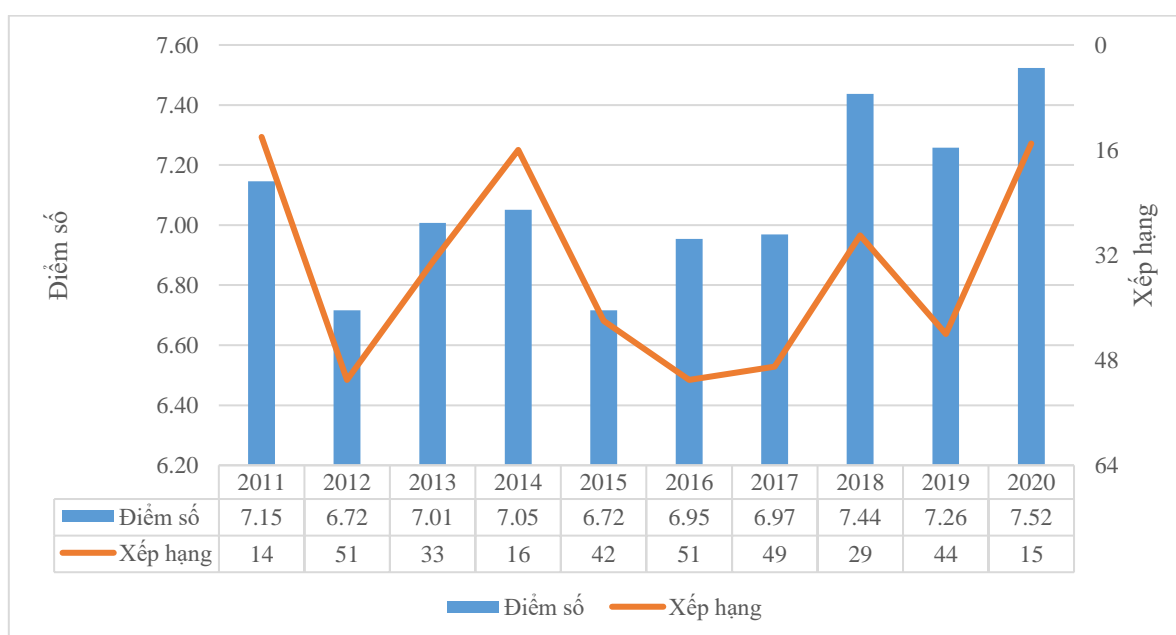
- Giải quyết vấn đề chi phí không chính thức của người dân khi làm thủ tục hành chính ở địa phương. Năm 2020, tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải chi thêm tiền khi làm thủ tục hành chính ở Ủy ban Nhân dân cấp xã và dịch vụ công còn xếp hạng thấp của cả nước.
- Minh bạch trong tuyển dụng việc làm trong khu vực công. Năm 2020, chỉ 46% người trả lời cho biết KHÔNG phải đưa tiền ‘lót tay’ để xin được việc làm trong cơ quan nhà nước, xếp thứ 40 cả nước.

2.6. Chỉ số nội dung 5: Thủ tục hành chính công

Chỉ số nội dung này đo lường chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công ở những lĩnh vực cần thiết nhất cho đời sống của người dân, bao gồm: (i) dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền cơ sở; (ii) dịch vụ cấp giấy phép xây dựng; (iii) dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSD đất); và, (iv) dịch vụ hành chính công cấp xã/phường. Qua các chỉ tiêu đánh giá, các cấp chính quyền có thể đánh giá mức độ chuyên nghiệp và khả năng đáp ứng yêu cầu của người dân đối với dịch vụ hành chính công.

Chỉ số nội dung 5 “Thủ tục hành chính công” có xếp hạng ở mức trung bình cao trong tương quan với các tỉnh, thành khác. Năm 2020, Bình Dương đạt 7,52 điểm, xếp hạng 15 của cả nước. Trong giai đoạn 2011-2020, điểm số và xếp hạng của chỉ số này tăng giảm đan xen qua mỗi năm. Điều này thể hiện những nỗ lực cải thiện thủ tục hành chính công chưa ổn định trong một thời gian đủ dài. Tuy nhiên, những kết quả đạt được trong năm 2020 là đáng khích lệ nhờ đà cải thiện trong giai đoạn 2018 - 2020.

Hình 14. Chỉ số nội dung 5: Thủ tục hành chính công

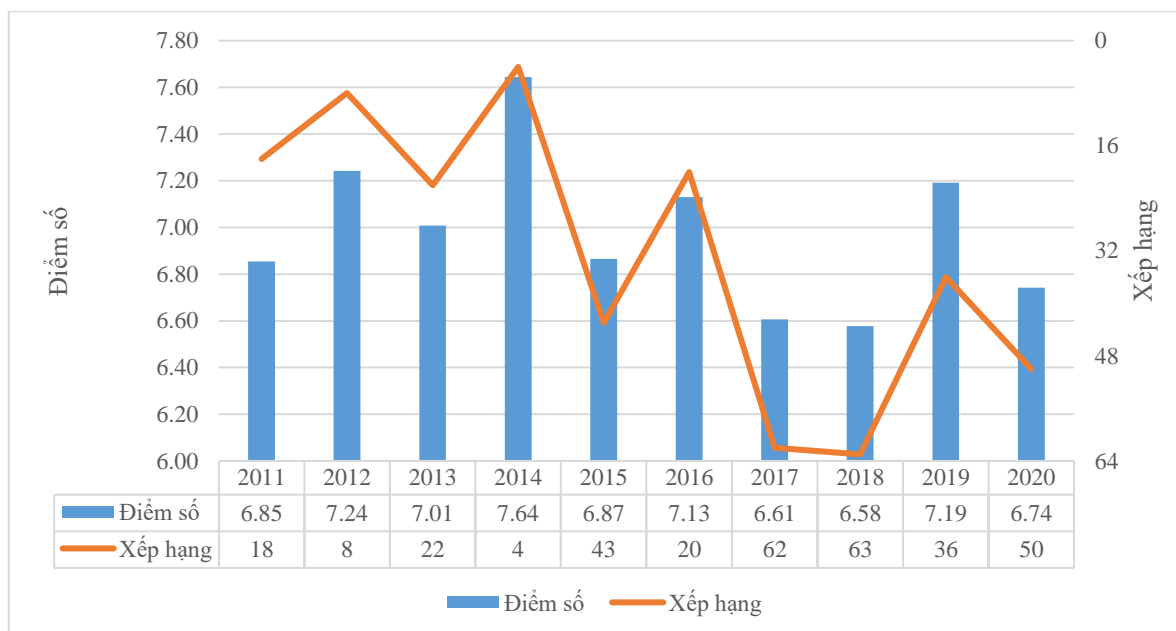


Tương tự như chỉ số nội dung, các chỉ số thành phần cũng có diễn biến cũng có sức cải thiện tốt trong giai đoạn 2018 - 2020. Tuy nhiên, chỉ số thành phần “Dịch vụ hành chính cấp xã/phường” là ngoại lệ. Đây cũng là chỉ số thành phần có xếp hạng thấp, xếp hạng thứ 48 năm 2020.

Hình 15. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 5

Chỉ số nội dung 6 “Cung ứng dịch vụ công” có xếp hạng thấp trong tương quan với các tỉnh, thành khác. Năm 2020, Bình Dương đạt 6,74 điểm, xếp hạng 50 của cả nước. Từ năm 2017, xếp hạng của chỉ số nội dung này đều ở nhóm thấp, ngoại trừ năm 2019. Địa phương cần dành nhiều nỗ lực và nguồn lực hơn nữa trong quản trị và cung cấp dịch vụ công (giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng căn bản, an ninh).

Hình 16. Chỉ số nội dung 6: Cung ứng dịch vụ công



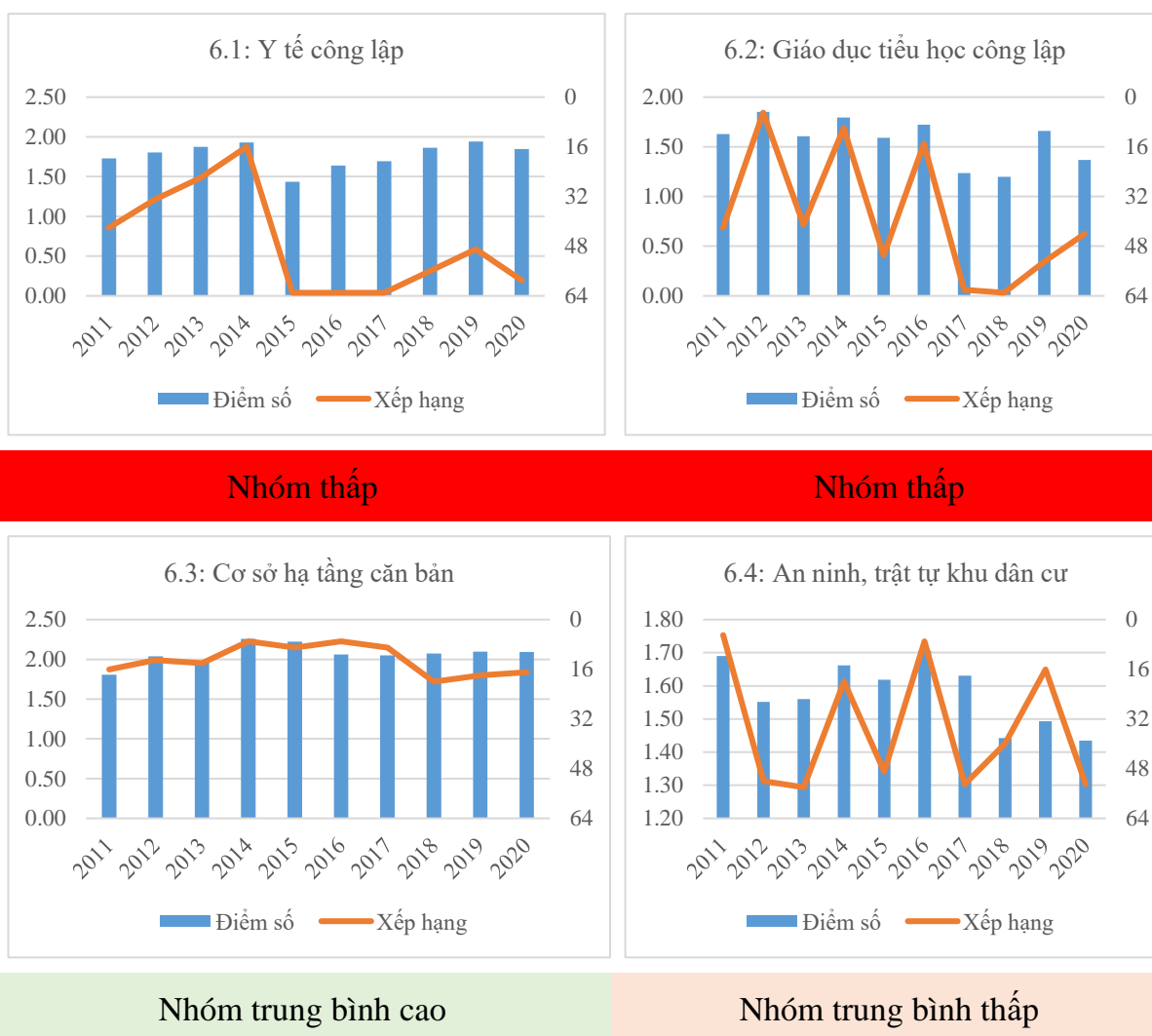
Trong các chỉ số thành phần cũng có diễn biến thiếu ổn định, chỉ số “cơ sở hạ tầng căn bản” duy trì điểm số và xếp hạng ổn định ở nhóm cao và trung bình cao. Trong đó, những cải thiện chủ yếu đến từ hệ thống đường bộ, điện lưới, dịch vụ thu gom rác thải và cấp nước hợp vệ sinh.

Trong đó, các yếu tố quan trọng như hỗ trợ người nghèo mua bảo hiểm y tế, áp dụng của thẻ bảo hiểm y tế, Dịch vụ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi đều có xếp hạng thấp hơn 50.

Giáo dục công lập có xu hướng tăng nhẹ về điểm số và có sự cải thiện xếp hạng trong 1 số năm, nhưng mức xếp hạng chung vẫn ở mức thấp (xếp hạng 60 cả nước). Trong đó, 2 đánh giá quan trọng về chất lượng dạy học của trường tiểu học công lập và tổng chất lượng trường tiểu học tại địa bàn xã/phường đều ở mức thấp, lần lượt ở mức xếp hạng 49 và 46.

Tình hình an ninh, trật tự khu dân cư có điểm số biến động khá lớn và xếp hạng thấp (trung bình là thấp hơn thứ hạng 40).

Hình 17. Các chỉ số thành phần của Chỉ số nội dung 6



Điểm sáng của Bình Dương gồm:

- Mạng lưới đường sá, thu gom rác thải được cải thiện nhanh chóng, xếp hạng trong nhóm đầu của cả nước.
- Giáo dục tiểu học công lập (Quãng đường, thời gian tới trường, chất lượng dạy học của trường tiểu học công lập) có sự cải thiện nhanh chóng trong những năm qua, từ xếp hạng 63 năm 2018 lên 44 năm 2020.

Những điểm trọng tâm cần cải thiện gồm:

- Nâng cao khả năng tiếp cận với bảo hiểm y tế, đặc biệt là với đối tượng người nghèo; có sự hướng dẫn để người dân hiểu và sử dụng bảo hiểm y tế hiệu quả. Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho trẻ em. Đây là nhóm các chỉ số có xếp hạng rất thấp trong những năm trở lại đây. Năm 2020, tỷ lệ người được hỏi có bảo hiểm y tế là 81%, xếp 61 cả nước. Đánh giá về tác dụng

của BHYT chỉ đạt 3,46 điểm, xếp 60 cả nước. Tương tự, tổng chất lượng bệnh viện tuyến huyện/quận (10 tiêu chí) chỉ đạt 4,28 điểm, xếp 61 cả nước.

- Tăng cường công tác an ninh, trật tự trên các địa bàn, đảm bảo công dân có đánh giá tích cực về công tác an ninh và cảm thấy được bảo vệ. Chỉ số an ninh, trật tự khu dân cư năm 2020 chỉ đạt 1,43 điểm, xếp thứ 53 cả nước.

2.8. Chỉ số nội dung 7: Quản trị môi trường

Chỉ số nội dung ‘Quản trị môi trường’ bắt đầu được đưa vào Chỉ số PAPI từ năm 2018 và tiếp tục được cập nhật, bổ sung nhằm nắm bắt đánh giá của người dân về những vấn đề môi trường tác động trực tiếp tới sức khỏe con người. Các chỉ tiêu đánh giá hiện nay bao gồm tỷ lệ người trả lời cho biết về chất lượng không khí và chất lượng nguồn nước sinh hoạt nơi cư trú. Bên cạnh đó là chỉ tiêu phản ánh phát hiện của người dân về hiện tượng dự án hoặc doanh nghiệp đầu tư vào địa phương có trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường bằng cách ‘chung chi’ với chính quyền địa phương hay không. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới nhiều xung đột, mâu thuẫn giữa người dân và doanh nghiệp hoặc nhà nước xung quanh vấn đề môi trường trong những năm gần đây. Những chỉ tiêu đánh giá này giúp các cấp chính quyền hiểu rõ hơn mối quan ngại về vấn đề môi trường của người dân qua thời gian, đồng thời xác định những “điểm nóng” về môi trường và tìm các giải pháp xử lý kịp thời các điểm nóng đó.

Chỉ số nội dung 7 “Quản trị môi trường” có xếp hạng ở mức thấp trong tương quan với các tỉnh, thành khác. Năm 2020, Bình Dương đạt 3,07 điểm, xếp hạng 57 cả nước. Từ khi được đo lường vào năm 2018, chỉ số này luôn ở mức xếp hạng trung bình thấp và giảm theo thời gian. Đây là tín hiệu đáng báo động cho vấn đề quản lý môi trường tại Bình Dương trong bối cảnh chuyển dịch từ hình ảnh địa phương công nghiệp sang một địa phương đáng sống với người dân.

Bảng 1. Điểm số và xếp hạng của Chỉ số Quản trị môi trường

Chỉ tiêu		2018	2019	2020	Nhóm
Chỉ số nội dung 7: Quản trị môi trường	Điểm số	4.22	3.28	3.07	Thấp
	Xếp hạng	46	46	57	
7.1: Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường	Điểm số	1.91	0.89	0.88	Thấp
	Xếp hạng	35	39	54	
7.2: Chất lượng không khí	Điểm số	1.93	1.99	1.83	Trung bình thấp
	Xếp hạng	43	29	37	
7.3: Chất lượng nước	Điểm số	0.38	0.40	0.36	Thấp
	Xếp hạng	56	53	60	

Các chỉ số thành phần có sự thay đổi trong 3 năm, nhưng đều có điểm số và xếp hạng ổn định ở mức trung bình thấp hoặc thấp và có xu hướng giảm sút, ngoại trừ chất lượng không khí. Trong đó, đánh giá về tính nghiêm túc trong bảo vệ môi trường liên tục giảm điểm, từ xếp hạng 35 năm 2018 xuống xếp hạng 54 năm 2020. Tương tự, chất lượng nước có xu hướng giảm, xếp hạng 60 cả nước năm 2020.

Điểm sáng của Bình Dương gồm:

- 90% người trả lời cho biết họ đã báo cáo và yêu cầu xử lý sự cố/vấn đề môi trường ở địa phương, cao thứ 21 cả nước.

Những điểm trọng tâm cần cải thiện gồm:

- Nâng cao niềm tin của người dân trong kiểm soát ô nhiễm từ hoạt động của doanh nghiệp. Năm 2020, chỉ 52% người trả lời cho biết doanh nghiệp đưa hối lộ để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường, cao thứ 7 cả nước.
- Kiểm soát chặt chẽ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất, sinh hoạt đến chất lượng nguồn nước. Năm 2020, 0% người trả lời đánh giá nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để giặt giũ hoặc bơi lội, xếp nhóm các tỉnh thấp nhất cả nước.

2.9. Chỉ số nội dung 8: Quản trị điện tử

‘Quản trị điện tử’ là chỉ số nội dung mới từ năm 2018 và tiếp tục được bổ sung, sửa đổi trong năm 2020. Chỉ số này đo lường các khía cạnh mang tính tương tác của chính quyền điện tử: mức độ sẵn có, khả năng sử dụng và khả năng đáp ứng của dịch vụ công trực tuyến. Các tiêu chí cấu thành chỉ số nội dung này giúp cung cấp thông tin về độ sẵn có của cổng thông tin điện tử và khả năng đáp ứng của chính quyền địa phương cũng như mức độ tiếp cận thông tin về quy trình, thủ tục, chính sách người dân cần tuân thủ, và điều kiện sử dụng Internet của người dân—môi trường thiết yếu để người dân tham gia quản trị điện tử. Những dữ liệu cơ sở này giúp các cấp chính quyền xem xét điều kiện khả thi cho việc phát triển chính quyền điện tử, hướng tới xây dựng chính quyền chủ động tương tác với người dân qua nền tảng Internet trong cả ba khâu: xây dựng, thực thi và giám sát thực thi chính sách.

Chỉ số nội dung 8 “Quản trị điện tử” có xếp hạng ở mức trung bình cao trong tương quan với các tỉnh, thành khác từ khi được đo lường vào năm 2018. Đây là tín hiệu tích cực, thể hiện kết quả tăng cường ứng dụng CNTT, quản trị điện tử của tỉnh trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, năm 2020, chỉ số “Quản trị điện tử” của Bình Dương giảm 23 bậc so với năm 2019, xếp hạng 30 cả nước. Điều này đòi hỏi địa phương cần tiếp tục duy trì các nỗ lực cải thiện quản trị điện tử dài hạn và bền vững.

Bảng 2. Điểm số và xếp hạng của Chỉ số Quản trị điện tử

Chỉ tiêu		2018	2019	2020	Nhóm
Chỉ số nội dung 8: Quản trị điện tử	Điểm số	3.08	4.31	2.80	Trung bình cao
	Xếp hạng	30	7	30	

8.1: Sử dụng công thông tin điện tử của chính quyền địa phương	Điểm số	0.61	0.41	0.40	Trung bình cao
	Xếp hạng	22	16	28	
8.2: Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương	Điểm số	2.47	2.02	2.04	Cao
	Xếp hạng	30	13	28	
8.3: Phục đáp của chính quyền qua công thông tin điện tử	Điểm số		1.88	0.36	Thấp
	Xếp hạng		10	52	

Trong các chỉ số thành phần, “Sử dụng công thông tin điện tử của chính quyền địa phương” có sự cải thiện năm 2019, nhưng thiếu ổn định và tụt hạng năm 2020. Trong đó, việc cung cấp chỉ dẫn và biểu mẫu cho thủ tục cấp **giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** và **giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** cần được lưu ý do có xếp hạng thấp. Tương tự, chỉ số thành phần “Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương” tuy vẫn duy trì ở nhóm trung bình cao nhưng thiếu ổn định.

Chỉ số thành phần “Phục đáp của chính quyền qua công thông tin điện tử” từng xếp thứ 10 toàn quốc ở năm 2019 (năm đầu tiên thực hiện đo lường). Tuy nhiên, đến năm 2020, điểm số đã giảm mạnh và xếp hạng giảm xuống còn thứ 52 cả nước. Điều này do tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng công dịch vụ công trực tuyến ở địa phương khi làm thủ tục hành chính do cấp xã/phường thực hiện (%) ở mức rất thấp (xếp thứ 52 cả nước).

Điểm sáng của Bình Dương gồm:

- 5% người trả lời cho biết đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ công thông tin điện tử địa phương khi làm thủ tục chứng thực, xác nhận, xếp hạng thứ 22 cả nước.
- 73% người trả lời cho biết có kết nối Internet tại nhà, xếp hạng thứ 10 cả nước.

Những điểm trọng tâm cần cải thiện gồm:

- Tăng tỷ lệ phục đáp của chính quyền qua công thông tin điện tử. Hiện nay, Tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng công dịch vụ công trực tuyến ở địa phương khi làm thủ tục hành chính do cấp xã/phường thực hiện rất thấp, xếp hạng 52 cả nước.
- Tương tự, tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương có đăng tải dự thảo chính sách, pháp luật lên công thông tin điện tử để lấy ý kiến nhân dân thấp, xếp thứ 47 cả nước.

2.10. Đánh giá chung về PAPI của Bình Dương

Phân tích trên cho thấy chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh nhìn chung vẫn chỉ ở mức trung bình thấp trên cả nước. Nhóm xếp hạng của các chỉ số thành phần như hình dưới đây:

Bảng 3. Xếp hạng các chỉ số nội dung của Bình Dương năm 2020

CSND 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	CSND 2: Công khai, minh bạch trong ra quyết định
CSND 3: Trách nhiệm giải trình với người dân	CSND 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công
CSND 5: Thủ tục hành chính công	CSND 6: Cung ứng dịch vụ công
CSND 7: Quản trị môi trường	CSND 8: Quản trị điện tử

Thấp	Trung bình thấp	Trung bình cao	Cao
------	-----------------	----------------	-----

Nội dung cụ thể của từng chỉ số gồm:

CSND 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở
<p>Nhận xét:</p> <p>Chỉ số “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở” có xu hướng giảm trong xếp hạng, rơi xuống nhóm thấp của cả nước trong năm 2020.</p> <p>Đây là chỉ số có nhiều dư địa cải thiện vì những giải pháp không đòi hỏi nhiều nguồn lực và không phức tạp về mặt tổ chức.</p>
<p>Những vấn đề chính cần cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tăng tỷ lệ người dân tham gia bầu cử các cấp và tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội; • Cải thiện tính công khai, minh bạch trong các cuộc bầu cử; • tăng cường công tác tuyên truyền kết hợp với nâng cao năng lực của Ban giám sát đầu tư cộng đồng và Ban thanh tra nhân dân, cải thiện tỷ lệ người tham gia, đóng góp tự nguyện vào các công trình công cộng.
CSND 2: Công khai, minh bạch trong ra quyết định
<p>Nhận xét:</p> <p>Chỉ số “Công khai minh bạch trong ra quyết định” có xếp hạng trung bình thấp trong tương quan với các tỉnh, thành khác.</p> <p>Đây là chỉ số có dư địa cải thiện rất lớn, chủ yếu các giải pháp tập trung trong khâu tuyên truyền.</p>
<p>Những vấn đề chính cần cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tăng cường sự đồng thuận ở địa phương trong bình chọn và công khai danh sách hộ nghèo.

- Tăng cường công tác tuyên truyền và cải thiện tính công khai, minh bạch trong thu, chi ngân sách cấp xã/phường hằng năm (xếp thứ 61 toàn quốc).
- Tích cực tuyên truyền, tiếp thu ý kiến người dân trong quy hoạch sử dụng đất, (xếp hạng 53 cả nước).

CSND 3: Trách nhiệm giải trình với người dân

Nhận xét:

Chỉ số “Trách nhiệm giải trình với người dân” có xếp hạng giảm mạnh trong giai đoạn 2017- 2020, hiện xếp trong nhóm thấp nhất cả nước.

Cải thiện chỉ số này tương đối thách thức vì đòi hỏi sự chủ động của chính quyền cơ sở trong tìm hiểu, nắm bắt và giải quyết các vấn đề khúc mắc của người dân.

Những vấn đề chính cần cải thiện:

- Tăng cường hiệu quả giải quyết khúc mắc của người dân ở cấp cơ sở thông qua các tổ chức, cá nhân liên quan.
- Tăng cường hiệu quả công tác giải đáp khiếu nại, tố cáo của người dân.
- Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tư pháp và niềm tin vào tòa án địa phương.

CSND 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

Nhận xét:

Chỉ số “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” của Bình Dương có xếp hạng trung bình thấp so với cả nước.

Đây là một trong những chỉ số thách thức nhất vì liên quan đến vấn đề kiểm soát tham nhũng ở địa phương.

Công cụ “dân chấm điểm” là một cách thức hiệu quả để góp phần cải thiện chỉ số trên.

Những vấn đề chính cần cải thiện:

- Giải quyết vấn đề chi phí không chính thức của người dân khi làm thủ tục hành chính ở địa phương. Năm 2020, tỷ lệ người trả lời cho biết **KHÔNG** phải chi thêm tiền khi làm thủ tục hành chính ở Ủy ban Nhân dân cấp xã và dịch vụ công còn xếp hạng thấp của cả nước.
- Minh bạch trong tuyển dụng việc làm trong khu vực công. Năm 2020, chỉ 46% người trả lời cho biết **KHÔNG** phải đưa tiền ‘lót tay’ để xin được việc làm trong cơ quan nhà nước, xếp thứ 40 cả nước.

CSND 5: Thủ tục hành chính công

Nhận xét:

Đây là một trong những chỉ số có xếp hạng cao nhất của Bình Dương, hiện xếp thứ 15 cả nước.

Có những thách thức trong quá trình cải thiện chỉ số này vì cần nâng cao đồng bộ chất lượng của các thủ tục hành chính. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề cần đầu tư nguồn lực để cải thiện vì liên quan mật thiết đến người dân.

Công cụ “dân chấm điểm” là một cách thức hiệu quả để góp phần cải thiện chỉ số trên.

Những vấn đề chính cần cải thiện:

- Tăng cường đầu tư, cải thiện dịch vụ hành chính cấp xã/phường. Hiện nay, mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được đạt 4,07/5 điểm, xếp hạng thứ 50.

CSND 6: Cung ứng dịch vụ công

Nhận xét:

Ngoại trừ năm 2016, xếp hạng của chỉ số nội dung này ở mức thấp so với các địa phương khác. Điều này thể hiện cần nhiều nỗ lực hơn trong quản trị và cung cấp dịch vụ công (giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng căn bản, an ninh).

Đây là chỉ số không phức tạp, nhưng yêu cầu đầu tư nguồn lực đi kèm với nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực để cải thiện.

Công cụ “dân chấm điểm” là một cách thức hiệu quả để góp phần cải thiện chỉ số trên.

- Nâng cao khả năng tiếp cận với bảo hiểm y tế, đặc biệt là với đối tượng người nghèo; có sự hướng dẫn để người dân hiểu và sử dụng bảo hiểm y tế hiệu quả. Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho trẻ em. Đây là nhóm các chỉ số có xếp hạng rất thấp trong những năm trở lại đây. Năm 2020, tỷ lệ người được hỏi có bảo hiểm y tế là 81%, xếp 61 cả nước. Đánh giá về tác dụng của BHYT chỉ đạt 3,46 điểm, xếp 60 cả nước. Tương tự, tổng chất lượng bệnh viện tuyến huyện/quận (10 tiêu chí) chỉ đạt 4,28 điểm, xếp 61 cả nước.
- Tăng cường công tác an ninh, trật tự trên các địa bàn, đảm bảo công dân có đánh giá tích cực về công tác an ninh và cảm thấy được bảo vệ. Chỉ số an ninh, trật tự khu dân cư năm 2020 chỉ đạt 1,43 điểm, xếp thứ 53 cả nước.

CSND 7: Quản trị môi trường

Nhận xét:

Chỉ số quản trị môi trường của Bình Dương có xếp hạng thấp. Đây là rào cản trong bối cảnh địa phương đang nỗ lực nâng cao chất lượng sống của người dân.

Cải thiện chỉ số trên yêu cầu cần có sự phối hợp liên ngành, sự quyết liệt của địa phương trong kiểm soát ô nhiễm và đối thoại hiệu quả với người dân.

Những vấn đề chính cần cải thiện:

- Nâng cao niềm tin của người dân trong kiểm soát ô nhiễm từ hoạt động của doanh nghiệp. Năm 2020, chỉ 52% người trả lời cho biết doanh nghiệp đưa hối lộ để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường, cao thứ 7 cả nước.
- Kiểm soát chặt chẽ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất, sinh hoạt đến chất lượng nguồn nước. Năm 2020, 0% người trả lời đánh giá nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để giặt giũ hoặc bơi lội, xếp nhóm các tỉnh thấp nhất cả nước.

CSND 8: Quản trị điện tử

Nhận xét:

Từ khi được đo lường vào năm 2018, chỉ số này luôn ở nhóm xếp hạng trung bình cao. Đây là tín hiệu tích cực, thể hiện kết quả tăng cường ứng dụng CNTT, quản trị điện tử của tỉnh trong những năm vừa qua. **Điều này đòi hỏi địa phương cần tiếp tục đầu tư và duy trì các nỗ lực** cải thiện quản trị điện tử dài hạn và bền vững.

Công cụ “dân chấm điểm” là một cách thức hiệu quả để tiếp tục duy trì xếp hạng cao của chỉ số trên.

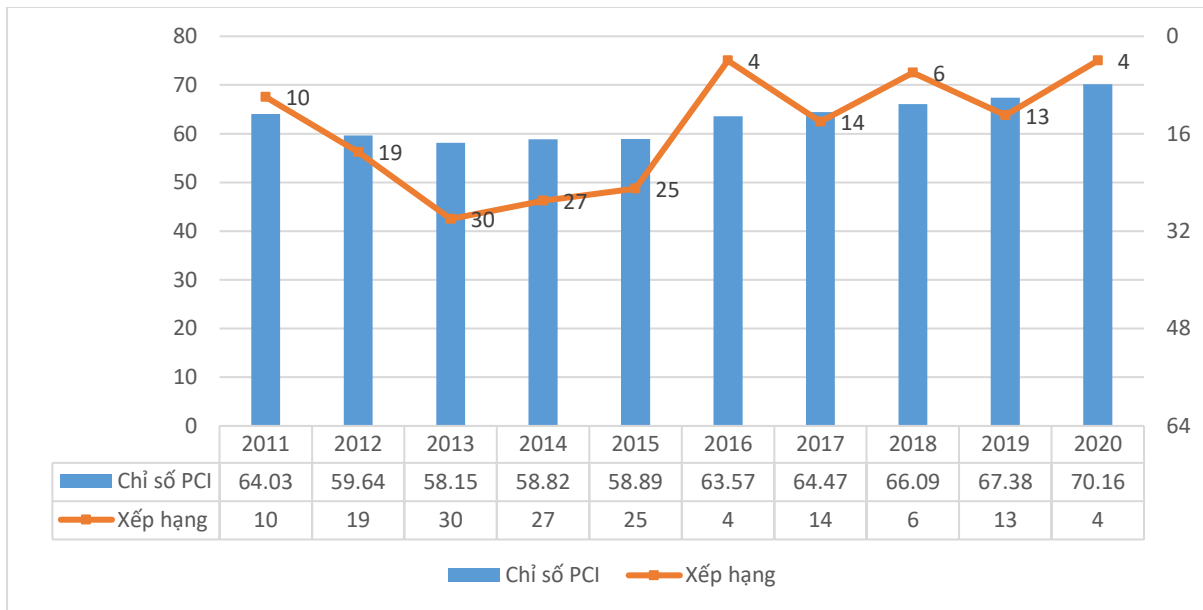
Những vấn đề chính cần cải thiện:

- Tăng tỷ lệ phúc đáp của chính quyền qua cổng thông tin điện tử. Hiện nay, Tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến ở địa phương khi làm thủ tục hành chính do cấp xã/phường thực hiện rất thấp, xếp hạng 52 cả nước.
- Tương tự, tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương có đăng tải dự thảo chính sách, pháp luật lên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến nhân dân thấp, xếp thứ 47 cả nước.

3. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

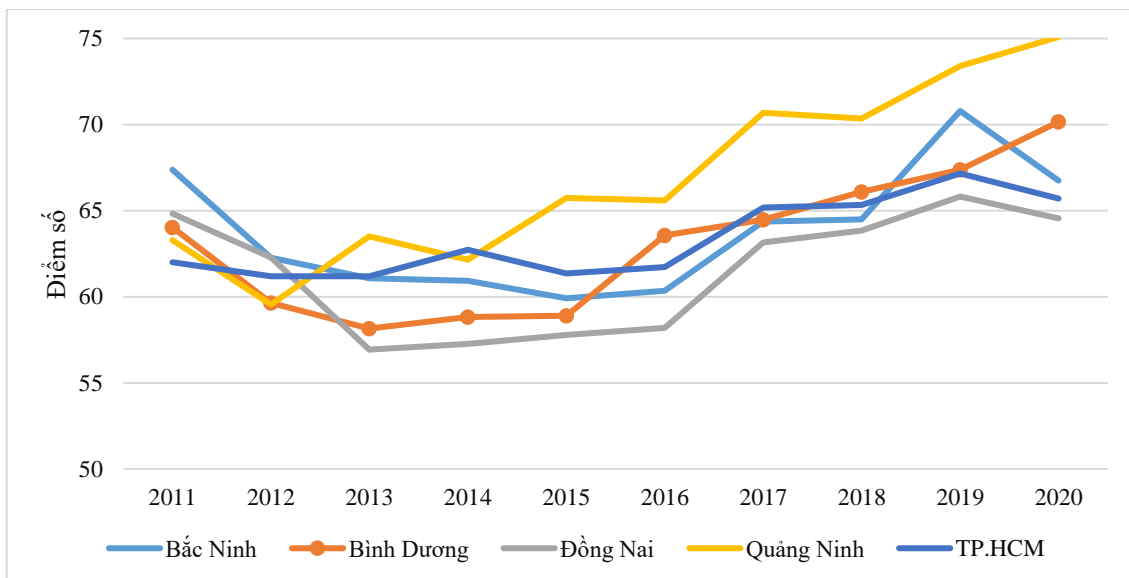
Phân tích cho 10 năm qua, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Bình Dương thuộc vào nhóm cao và trung bình cao của cả nước. Giai đoạn 2015 – 2020, chỉ số và xếp hạng PCI của tỉnh có xu hướng cải thiện ổn định (xem hình 33). Điều này cho thấy kết quả của các nỗ lực trong cải cách và duy trì năng lực cạnh tranh bền bỉ của địa phương. Đến năm 2020, chỉ số PCI của Bình Dương đạt 70.16 điểm, xếp hạng thứ 4 toàn quốc.

Hình 18. Điểm số và thứ hạng PCI của tỉnh Bình Dương qua các năm



Bảng 9 so sánh tương quan thứ hạng PCI giữa tỉnh Bình Dương cùng các tỉnh lân cận và tương đương như Đồng Nai, TP.HCM, Bắc Ninh, Quảng Ninh. Kết quả cho thấy trong 10 năm qua, Bình Dương có xuất phát điểm tốt, chỉ xếp sau Bắc Ninh và Đồng Nai năm 2011. Địa phương đã nỗ lực giữ vững vị thế của mình, vượt qua xu hướng giảm điểm trong giai đoạn 2012 – 2015. Đến năm 2020, Bình Dương đạt 70.16 điểm, xếp sau Quảng Ninh trong nhóm so sánh.

Hình 19. Tương quan thứ hạng PCI của tỉnh Bình Dương cùng các tỉnh lân cận và tương đương



Việc phân tích kỹ các chỉ số thành phần giúp đem lại cái nhìn chi tiết hơn về các vấn đề và giải pháp cải thiện, duy trì thứ hạng PCI cao của địa phương. Trong những năm gần

đây, phần lớn các chỉ số thành phần trong PCI của Bình Dương đều có sự cải thiện trong điểm số và xếp hạng.

Năm	2018	2019	2020	Xếp hạng 2020
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26
Tính năng động	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15
Thiết chế pháp lý	5.78	6.14	6.63	35

3.1. Gia nhập thị trường

Điểm số hợp phần ‘Gia nhập thị trường’ là một trong những chỉ số thuộc nhóm xếp hạng trung bình cao trong tương quan với các tỉnh, thành khác. Năm 2020, tỉnh Bình Dương đạt 8.05 điểm ‘Gia nhập thị trường’, xếp hạng 24 cả nước.

Bảng 4. Hợp phần gia nhập thị trường trong PCI các năm từ 2018 - 2020

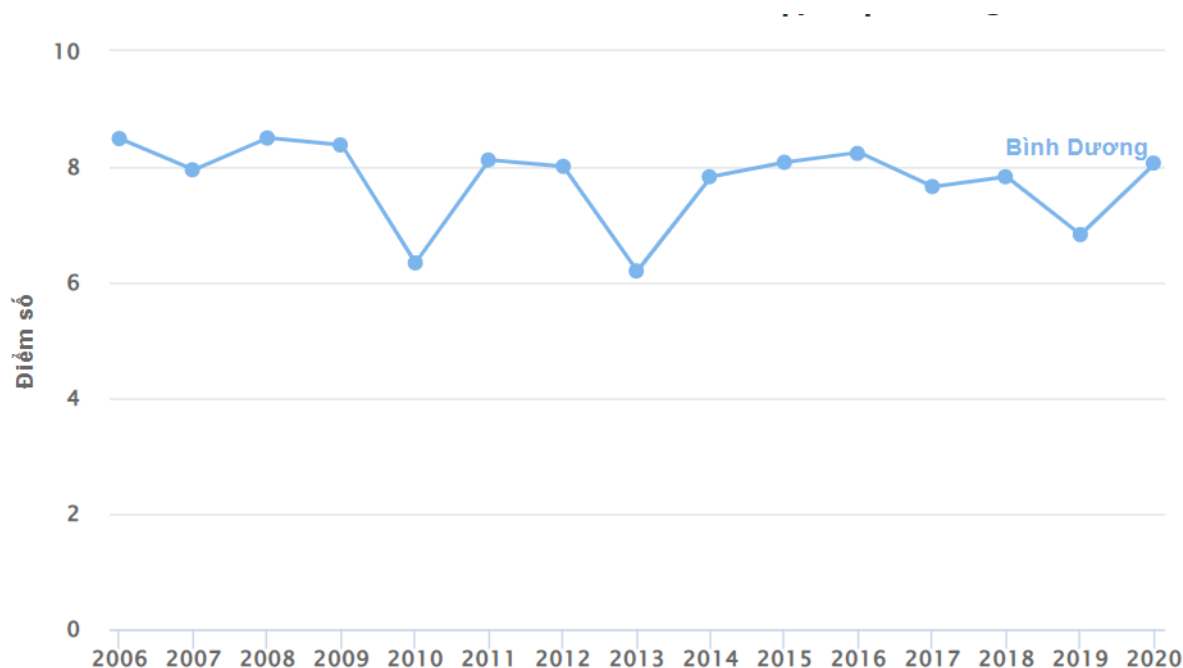
Năm	2018	2019	2020	Xếp hạng 2020
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26
Tính năng động	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15

Thiết chế pháp lý	5.78	6.14	6.63	35
-------------------	------	------	------	----

Nguồn: PCI Việt Nam (2020)

Phân tích theo chuỗi thời gian, điểm số hợp phần gia nhập thị trường của tỉnh Bình Dương tương đối ổn định quanh mức 8,0 điểm, ngoại trừ một số năm giảm sút.

Hình 20. Biểu đồ điểm số hợp phần gia nhập thị trường



Nguồn: PCI Vietnam (2020)

Trong các chỉ tiêu thành phần của hợp phần ‘Gia nhập thị trường’, tỉnh Bình Dương kém nhất ở các vấn đề về thủ tục đăng ký kinh doanh (ĐKKD). Cụ thể, thời gian chờ đợi để hoàn thành các thủ tục còn tương đối dài. Số ngày đăng ký doanh nghiệp trung vị của tỉnh là 9 ngày, cao nhất cả nước. Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị) là 5 ngày, ở nhóm xếp hạng cao. Khoảng 15% doanh nghiệp phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động, cao thứ 23 cả nước. Bên cạnh đó, chỉ khoảng 53% doanh nghiệp cho rằng cán bộ am hiểu chuyên môn.

Bảng 5. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Gia nhập thị trường’

Chỉ tiêu	Điểm	Thứ hạng (năm 2020)
Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)*	9	1
Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)*	5	14
Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN)*	15%	23

Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn (%)	58%	53
--	-----	----

Phân tích các sáng kiến của địa phương khác, việc cải cách thủ tục ĐKKD có thể được cải thiện. Các giải pháp có thể áp dụng như thành lập tổ hoặc trung tâm phục vụ hành chính công, con dấu thứ hai tại Trung tâm, khảo sát sự hài lòng của tổ chức và công dân, xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến... có thể được thực hiện thực chất và minh bạch. Việc này đã mang lại hiệu quả nhất định ở nhiều địa phương. Ngoài ra, tỉnh Bình Dương nên cân nhắc việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001 nhằm chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính tạo sự công khai, minh bạch, tránh gây phiền hà cho doanh nghiệp và người dân, đồng thời nâng cao tinh thần làm việc của cán bộ, công chức.

3.2. Tiếp cận đất đai

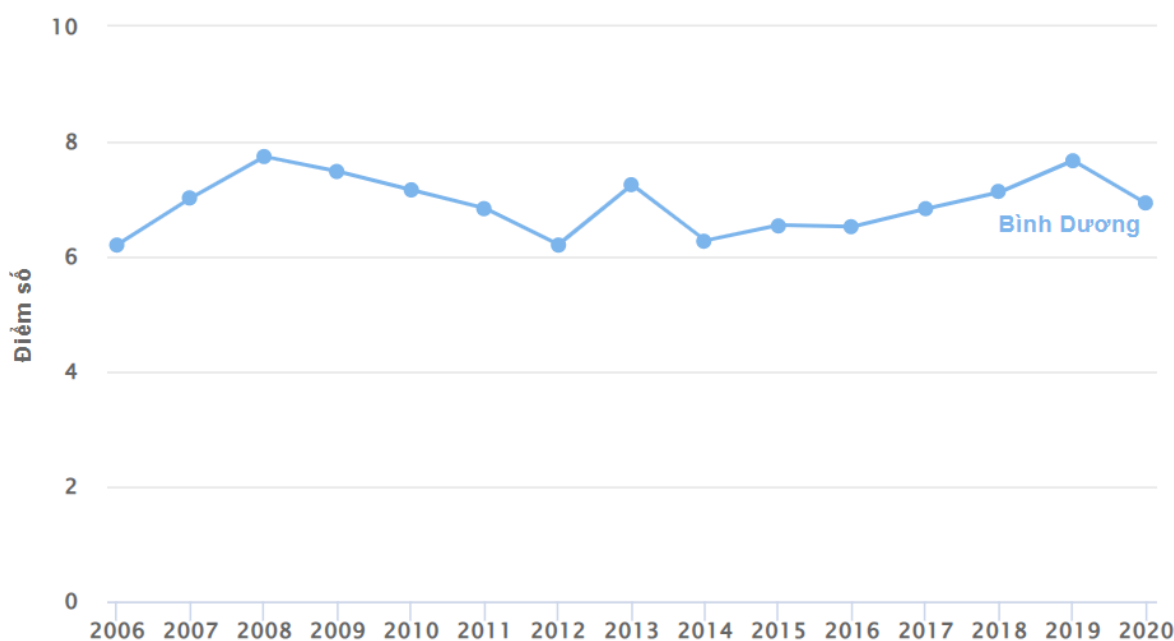
Tương tự như “Gia nhập thị trường”, chỉ số Tiếp cận đất đai của Bình Dương thuộc nhóm trung bình cao của cả nước. Xếp hạng 22 trong năm 2020 thể hiện những nỗ lực rất lớn của tỉnh trong bối cảnh bất động sản công nghiệp bùng nổ trong thời gian qua, đồng thời cũng thể hiện dư địa cải thiện còn khá lớn trong tương lai.

Bảng 6. Hợp phần tiếp cận đất đai trong PCI các năm từ 2018 - 2020

	2018	2019	2020	Thứ hạng (năm 2020)
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26
Tính năng động của chính quyền	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15
Thiết chế pháp lý & ANTT	5.78	6.14	6.63	35

Nguồn: PCI Việt Nam (2020)

Hình 21. Biểu đồ điểm số hợp phần tiếp cận đất đai



Nguồn: PCI Vietnam (2020)

Trong số các chỉ tiêu thành thành của hợp phần ‘Tiếp cận đất đai’, có một vài chỉ tiêu cần được quan tâm cải thiện trong thời gian tới. Thứ nhất, mức độ đánh giá rủi ro bị thu hồi đất của doanh nghiệp trong tỉnh khá cao (1,72 điểm), xếp hạng 16 cả nước. Thứ hai, chỉ 23% doanh nghiệp thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn.

Bảng 7. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Tiếp cận đất đai’

Chỉ tiêu	Điểm	Xếp hạng
DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	1.72	16
DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	0.23	47

Quá trình cải thiện điểm số hợp phần ‘Tiếp cận đất đai’ cần nhiều thay đổi liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật và bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Sở Tài nguyên và Môi trường cần trở thành đơn vị đầu mối, chủ động gắn kết doanh nghiệp và chính quyền, hỗ trợ doanh nghiệp trong vấn đề thủ tục hành chính đất đai. Các giải pháp có thể thực hiện bao gồm công bố công khai, đầy đủ thông tin quy hoạch, tích cực hướng dẫn các doanh nghiệp nghiên cứu lập dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, có kế hoạch tiếp cận việc sử dụng đất. Sở này cũng cần triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, thông tin về giá đất, công khai, minh bạch giá đất để các nhà đầu tư có cơ sở tiếp cận, nghiên cứu.

Để tăng tính minh bạch và chủ động, Sở Tài nguyên và Môi trường có thể gửi trực tiếp các thông tin về quy hoạch đất đai, bảng giá đất... vào thư điện tử của từng doanh nghiệp, hợp tác xã. Ngoài ra, Sở cần chú trọng thay đổi ý thức thực thi công vụ của cán bộ, công chức, từ chờ đợi doanh nghiệp đến chủ động tiếp cận, hướng dẫn doanh nghiệp. Một giải pháp được nhiều địa phương áp dụng là thay vì thủ tục của một doanh nghiệp phải đi qua nhiều khâu, thì chính quyền cử một cán bộ chịu trách nhiệm cho một doanh nghiệp, làm nhiệm vụ nhận hồ sơ, hướng dẫn trực tiếp, trả lời vướng mắc đến khi hoàn tất thủ tục cho doanh nghiệp.

3.3. Tính minh bạch

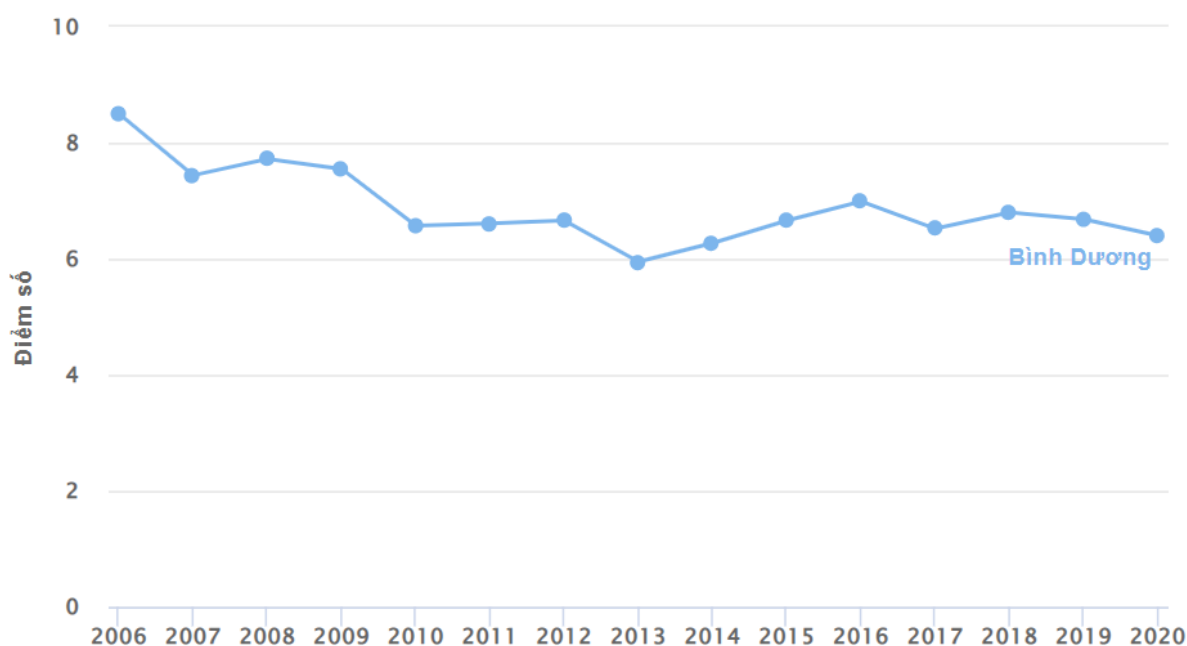
‘Tính minh bạch’ của tỉnh Bình Dương thuộc nhóm cao nhất cả nước. Từ 2011 đến 2020, dù xếp hạng vẫn trụ lại trong nhóm cao, điểm số hợp phần ‘Tính minh bạch’ của tỉnh Bình Dương có xu hướng giảm rõ rệt. Đây là tín hiệu rất cần lưu ý để địa phương có thể tiếp tục duy trì xếp hạng cao trong chỉ số này trong những năm tới đây.

Bảng 8. Hợp phần tính minh bạch trong PCI (2018-2020)

	2018	2019	2020	Thứ hạng (năm 2020)
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26
Tính năng động của chính quyền	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15
Thiết chế pháp lý & ANTT	5.78	6.14	6.63	35

Nguồn: PCI Việt Nam (2020)

Hình 22. Biểu đồ điểm số hợp phần tính minh bạch



Nguồn: PCI Vietnam (2020)

Trong các chỉ tiêu thành phần của ‘Tính minh bạch’, một số chỉ tiêu có thứ hạng thấp cần được cải thiện đáng kể. Cụ thể 92% doanh nghiệp cho rằng các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh, xếp hạng 41 của cả nước. Chỉ 39% doanh nghiệp cho rằng thông tin mời thầu được công khai, xếp hạng 52 của cả nước. Tính ổn định của việc ra quyết định cũng là một vấn đề cần xử lý, vì chỉ khoảng 8% doanh nghiệp dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW.

Bảng 9. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Tính minh bạch’

Chỉ tiêu	Điểm	Hạng
Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	0.92	41
Thông tin mời thầu được công khai (%)	0.39	52
Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% chắc chắn)	0.08	44

Để nâng cao ‘Tính minh bạch’, tỉnh Bình Dương cần tập trung chuyên đổi số và phát triển chính quyền điện tử. Chính quyền điện tử có rất nhiều tác dụng ưu việt và tác động lan tỏa rất lớn, giúp cải thiện nhiều bản xếp hạng như đã nêu trên. Nhưng thực hiện thành công là quá trình gian khó. Tỉnh Bình Dương cần cải thiện tính năng của trang thông tin điện tử chính thức, cũng như trang thông tin của các sở, ngành, nhất là trong đăng ký kinh doanh, hải quan, quản lý đầu tư, thuế. Trong đó, cần đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 (xem thêm ở phần 4). Tương tự, lãnh đạo tỉnh Bình Dương cần tích cực đối thoại với doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử, đảm bảo

duy trì thông tin và phản hồi những câu hỏi của doanh nghiệp và nhà đầu tư. Cuối cùng, Tỉnh cần niêm yết công khai quy trình, thủ tục hành chính, các văn bản pháp lý liên quan tại trang thông tin điện tử của các sở, ngành; chú trọng việc lập các mẫu giấy tờ, thủ tục để người dân và doanh nghiệp có thể dễ dàng điền, hoàn thiện khi khai nộp các hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính. Đặc biệt, tỉnh cần chú trọng công tác truyền thông, công khai thông tin mời thầu tới doanh nghiệp và cộng đồng.

3.4. Chi phí thời gian

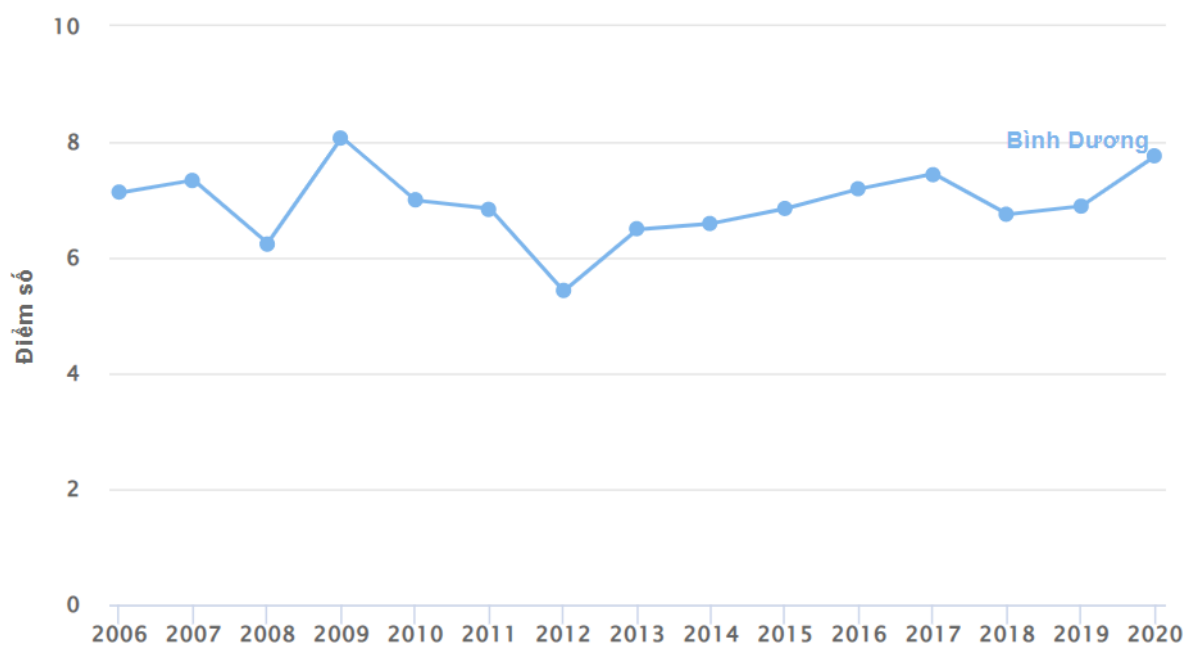
Điểm số hợp phần ‘Chi phí thời gian’ của tỉnh Bình Dương nhìn chung có sự cải thiện qua các năm, hiện xếp hạng trung bình cao của cả nước. Điểm số của hợp phần này có xu hướng tăng tương đối ổn định trong giai đoạn 2012 – 2020, ngoại trừ dấu hiệu sụt giảm trong năm 2018 - 2019. Đến năm 2020, điểm số hợp phần ‘Chi phí thời gian’ của tỉnh Bình Dương đạt 7.76 điểm, xếp hạng 31 cả nước.

Bảng 10. Hợp phần chi phí thời gian trong PCI Việt Nam (2018 – 2020)

	2018	2019	2020	Thứ hạng (năm 2020)
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26
Tính năng động của chính quyền	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15
Thiết chế pháp lý & ANTT	5.78	6.14	6.63	35

Nguồn: PCI Việt Nam (2020)

Hình 23. Biểu đồ điểm số hợp phần chi phí thời gian



Nguồn: PCI Vietnam (2020)

Như những hợp phần khác, ‘Chi phí thời gian’ của tỉnh Bình Dương có những chỉ tiêu thành phần hạn chế về điểm số và thứ hạng. Thứ nhất là thời gian thực hiện thủ tục hành chính. Có khoảng 26% DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL, con số này cao thứ 17 trên cả nước. Bên cạnh đó, tới 37% doanh nghiệp cho rằng họ phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục, xếp hạng 14 trên cả nước. Tương tự, chỉ 61% cho rằng thời gian thực hiện thủ tục hành chính được rút ngắn hơn so với quy định, xếp hạng 63. Thứ hai là vấn đề thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Cụ thể, khoảng 10% doanh nghiệp cho rằng nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp, xếp hạng 18 cả nước.

Bảng 11. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Chi phí thời gian’

Chỉ tiêu	Điểm	Hạng
Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL *	0.26	17
DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	0.63	49
Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	0.61	63
Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%) *	0.10	18

Để cải thiện chi phí thời gian trong hoạt động thanh, kiểm tra, cần có sự chỉ đạo từ UBND tỉnh đối với các đơn vị như Cục thuế và Thanh tra tỉnh nhằm ngăn chặn các hoạt động thanh kiểm tra không cần thiết, chông chéo gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể, cơ quan nên tiến hành khảo sát, thu thập thông tin về tình hình

hoạt động của doanh nghiệp, và chỉ khi nhận thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng thì mới tiến hành thanh, kiểm tra. Cơ quan cũng nên rà soát, cố gắng cắt giảm thời gian, thời hạn, thời kỳ thanh tra, chú trọng thanh tra có trọng tâm, trọng điểm. Ngoài ra, việc niêm yết phí, lệ phí tại trung tâm hành chính công, hay các công thông tin điện tử của các sở, ban, ngành là cần thiết để cải thiện chi phí thời gian cho doanh nghiệp.

3.5. Chi phí không chính thức

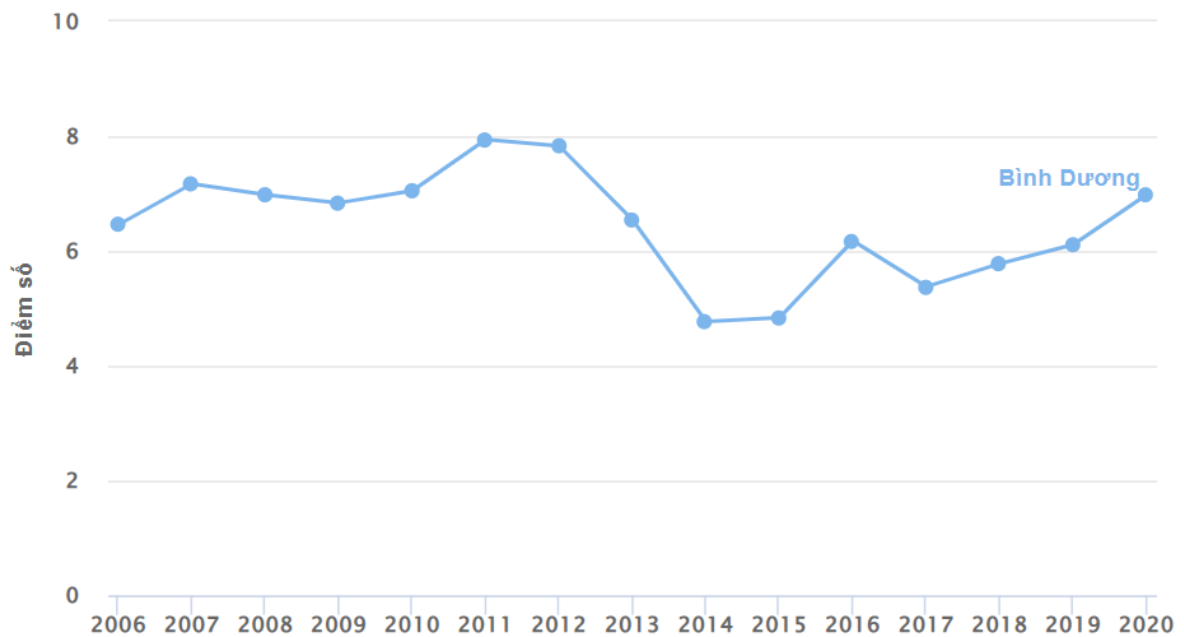
‘Chi phí không chính thức’ (CPKCT) là hợp phần tỉnh Bình Dương cần cải thiện rất nhiều vì xuất phát điểm khá thấp và có chiều hướng đi xuống trong có xếp hạng ở nhóm trung bình cao. Giai đoạn 2014 – 2020, chỉ số này có xu hướng cải thiện tốt về mặt điểm số. Đến năm 2020, chỉ số ‘Chi phí không chính thức’ của Bình Dương đạt 6.98 điểm, xếp hạng 17 cả nước.

Bảng 12. Hợp phần chi phí không chính thức trong PCI (2018-2020)

	2018	2019	2020	Thứ hạng (năm 2020)
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26
Tính năng động của chính quyền	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15
Thiết chế pháp lý & ANTT	5.78	6.14	6.63	35

Nguồn: PCI Việt Nam (2020)

Hình 24. Biểu đồ điểm số hợp phần chi phí không chính thức



Nguồn: PCI Vietnam (2020)

Các chỉ tiêu thành phần trong hợp phần liên quan đến chi phí không chính thức cần được quan tâm cải thiện bao gồm tỷ lệ doanh nghiệp có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (39%, hạng 18) và tỷ lệ DN cho rằng chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (40%, hạng 30).

Bảng 13. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Chi phí không chính thức’

Chỉ tiêu	Điểm	Hạng
Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đạt đại	0.39	18
Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu	0.40	30

Thực tiễn triển khai ở các địa phương khác cho thấy giải pháp làm giảm chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải chi trả có thể cần nhắc gồm: (1) Động viên và tìm cách vận dụng tăng thu nhập cho các bộ công chức tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp; (2) xử lý triệt để các trường hợp vi phạm; (3) minh bạch hóa các hoạt động của chính quyền. Ngoài ra, tỉnh Bình Dương nên tổ chức các khóa lãnh đạo, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm làm công tác thanh tra, kiểm tra mỗi năm, trong đó nhấn mạnh tinh thần nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, và đạo đức công vụ. Bên cạnh đó, tỉnh nên xây dựng bộ chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương nhằm trao thêm quyền cho doanh nghiệp đóng góp tiếng nói và thực thi vai trò giám sát các hoạt động của chính quyền tỉnh. Tỉnh Bình Dương cũng cần công khai thông tin liên lạc của lãnh đạo các Sở, Cục và các phòng nghiệp vụ liên quan để doanh nghiệp có thể phản ánh các trường hợp tham nhũng vặt, thanh tra, kiểm tra chưa đúng quy định. Ngoài ra, tỉnh nên áp dụng các nền tảng thanh toán điện tử như Momo, Airpay... và lắp

đặt các thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ (POS) và mã thanh toán QR Code tại trung tâm hành chính tỉnh nhằm minh bạch hóa các khoản chi phí hành chính.

3.6. Cạnh tranh bình đẳng

Hợp phần ‘Cạnh tranh bình đẳng’ là một hợp phần mới được VCCI đưa vào bảng xếp hạng PCI năm 2013, với mục đích đo lường sự ưu ái của chính quyền giữa nhóm doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) và doanh nghiệp tư nhân (DNTN). Từ năm 2013 đến 2020, điểm số hợp phần ‘Cạnh tranh bình đẳng’ của tỉnh Bình Dương có xu hướng cải thiện tốt và ổn định. Đến năm 2020, chỉ số này đạt 6,69 điểm, xếp hạng 26 cả nước, thuộc nhóm trung bình cao.

Bảng 14. Hợp phần cạnh tranh bình đẳng trong PCI (2018 – 2020)

	2018	2019	2020	Thứ hạng (năm 2020)
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26
Tính năng động của chính quyền	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15
Thiết chế pháp lý & ANTT	5.78	6.14	6.63	35

Nguồn: PCI Việt Nam (2020)

Hình 25. Biểu đồ điểm số hợp phần cạnh tranh bình đẳng



Nguồn: PCI Vietnam (2020)

Cảm nhận của doanh nghiệp tại Bình Dương về tính bất bình đẳng chủ yếu đến từ tương quan so sánh với doanh nghiệp FDI. Theo đó, doanh nghiệp địa phương cho rằng doanh nghiệp FDI được tinh ưu tiên phát triển hơn (40%, xếp thứ 5 cả nước), thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (21%, xếp thứ 19), có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN (17%, xếp thứ 20), thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (21%, xếp thứ 3), nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn (25%, xếp thứ 5). Khác biệt với các địa phương khác, doanh nghiệp tại Bình Dương không cảm nhận thực sự rõ rệt về sự ưu ái cho các DNNN.

Bảng 15. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Cạnh tranh bình đẳng’

Chỉ tiêu	Điểm	Xếp hạng
Tinh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân	0.40	5
DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai	0.21	19
DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN	0.17	20
DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC	0.21	3
DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn	0.25	5

Cảm nhận của doanh nghiệp là có cơ sở trong bối cảnh địa phương và cả nước có chủ trương thu hút nguồn vốn FDI. Tuy nhiên, tình trạng này cần được hạn chế để tạo môi trường phát triển bình đẳng cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nội địa.

3.7. Tính năng động của chính quyền

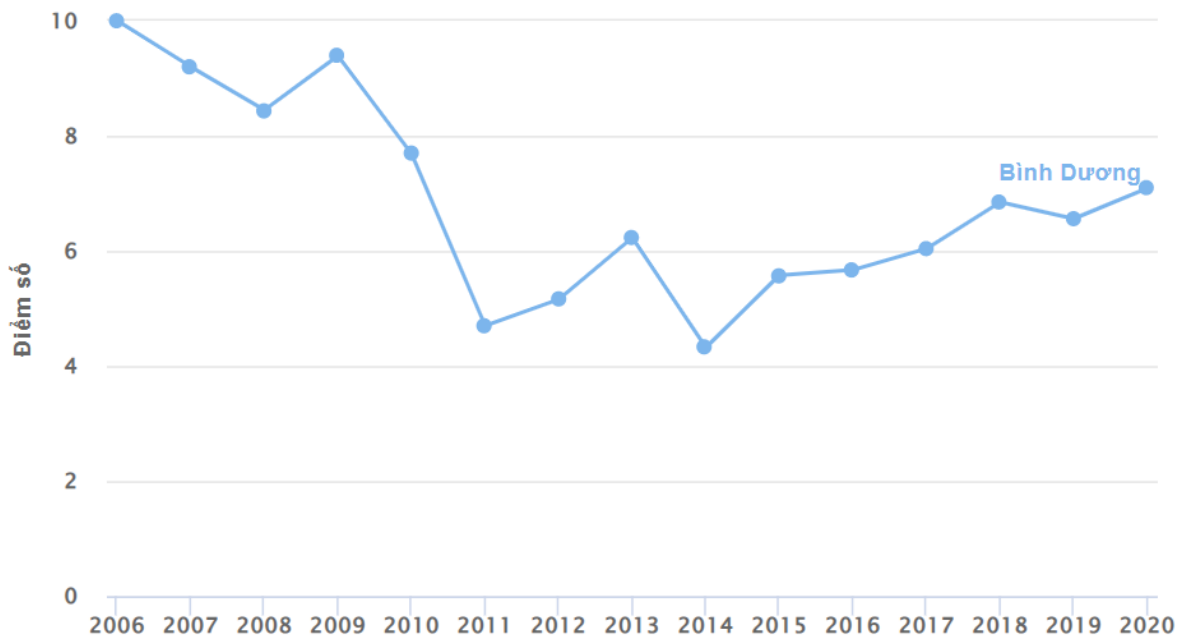
‘Tính năng động của chính quyền’ là một trong những hợp phần nằm trong nhóm xếp hạng cao của cả nước. Từ năm 2014, điểm số của chỉ số này không ngừng được cải thiện. Đến năm 2020, chỉ số ‘Tính năng động của chính quyền’ đạt 7,09 điểm, xếp hạng thứ 8 của cả nước.

Bảng 16. Hợp phần tính năng động của chính quyền trong PCI (2018 – 2020)

	2018	2019	2020	Thứ hạng (năm 2020)
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26
Tính năng động của chính quyền	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15
Thiết chế pháp lý & ANTT	5.78	6.14	6.63	35

Nguồn: PCI Việt Nam (2020)

Hình 26. Biểu đồ điểm số hợp phần tính năng động của chính quyền



Nguồn: PCI Vietnam (2020)

Điểm cần tập trung cải thiện ở hợp phần này là hiệu quả thực thi tại các sở, ngành. Cụ thể, 75% doanh nghiệp cho rằng có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành, xếp hạng 28 cả nước.

Bảng 17. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Tính năng động của chính quyền’

Chỉ tiêu	Điểm	Xếp hạng
Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành	75%	28

Để nâng cao tính năng động của chính quyền, lãnh đạo tỉnh Bình Dương cần xây dựng chiến lược marketing địa phương, Thu hút nhiều hơn, thường xuyên hơn các hội chợ, triển lãm để kết nối cung cầu và phát triển dịch vụ hỗ trợ. Ngoài ra, tỉnh nên tranh thủ sự hỗ trợ Chính phủ và các hiệp hội quốc gia, tổ chức phi lợi nhuận và hợp tác với các đơn vị đào tạo uy tín để xây dựng và phát triển năng lực doanh nghiệp. Một sáng kiến rất hay mà tỉnh Bình Dương có thể tham khảo là mô hình “Cà phê doanh nghiệp” của tỉnh Đồng Tháp, nơi lãnh đạo tỉnh tổ chức họp mặt, đối thoại định kỳ với doanh nghiệp bên ngoài phòng họp để lắng nghe kiến nghị và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Thông qua mô hình này, cộng đồng doanh nghiệp cũng có thể hiến kế cho tỉnh Bình Dương trong việc tiếp nhận thông tin để kịp thời hỗ trợ, cung cấp những định hướng kinh doanh trong tương lai, thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, hỗ trợ tiếp cận thị trường và nguồn lực cho các nhà đầu tư (xem thêm phần 4).

3.8. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

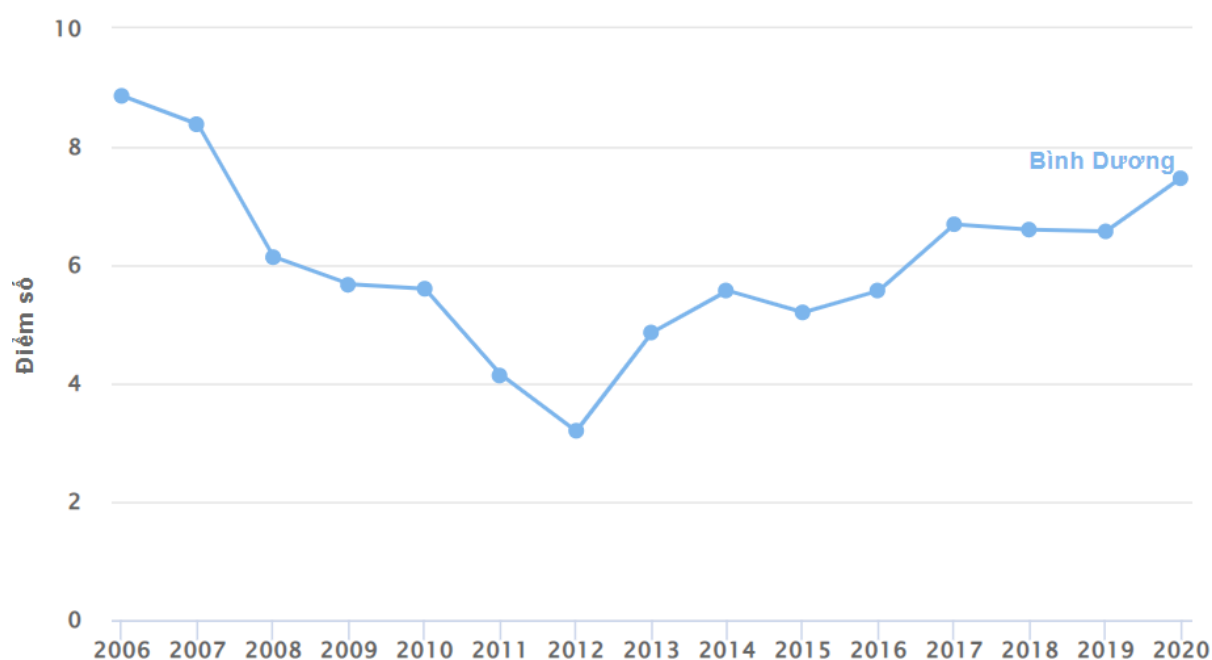
Hợp phần ‘Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp’ là hợp phần vượt trội nhất của tỉnh Bình Dương. Từ năm 2012 đến 2020, điểm số hợp phần này có sự cải thiện đều đặn. Đến năm 2020, hợp phần này đạt 7,48 điểm, xếp thứ 3 toàn quốc.

Bảng 18. Hợp phần tính năng động của chính quyền trong PCI (2018 – 2020)

	2018	2019	2020	Thứ hạng (năm 2020)
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26
Tính năng động của chính quyền	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15
Thiết chế pháp lý & ANTT	5.78	6.14	6.63	35

Nguồn: PCI Việt Nam (2020)

Hình 27. Biểu đồ điểm số hợp phần dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp



Nguồn: PCI Vietnam (2020)

Hầu hết các chỉ số con trong ‘Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp’ đều được đánh giá tốt, nằm bao gồm các dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường, dịch vụ tư vấn pháp luật, dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh...

3.9. Đào tạo lao động

Hợp phần ‘Đào tạo lao động’ của tỉnh Bình Dương nằm trong nhóm trung bình cao trên cả nước. Từ năm 2014 đến 2020, chỉ số này nhìn chung có xu hướng cải thiện tương đối ổn định. Trong báo cáo PCI năm 2020, điểm số hợp phần ‘Đào tạo lao động’ của tỉnh Bình Dương đạt 6,92 điểm, xếp hạng 15 trên cả nước.

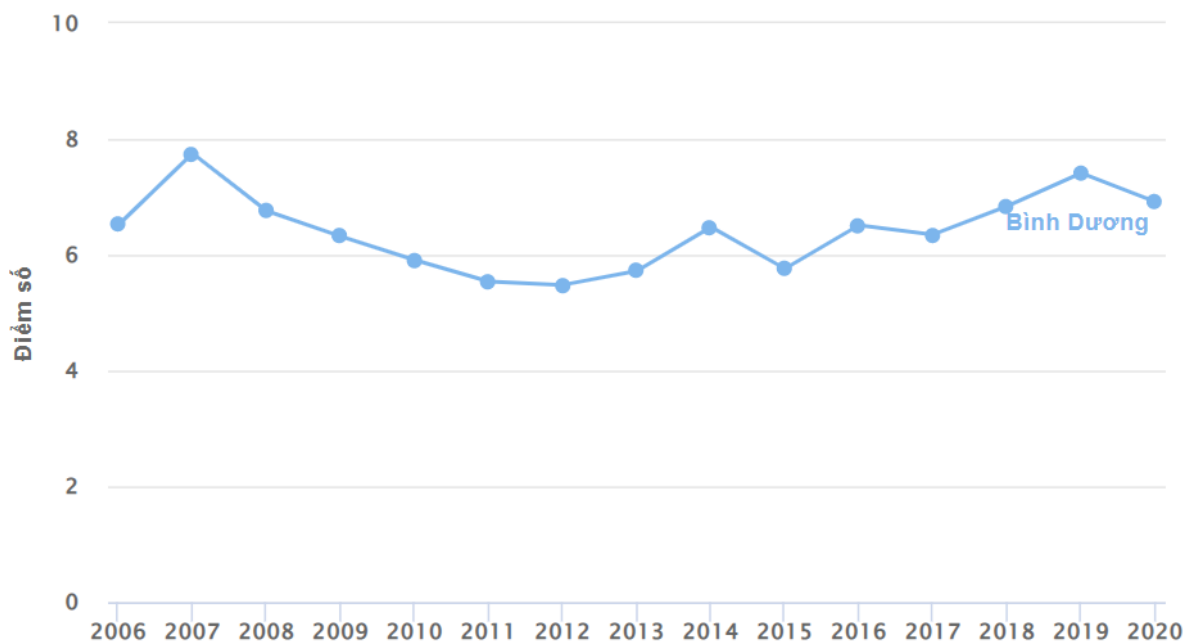
Bảng 18. Hợp phần tính năng động của chính quyền trong PCI (2018 – 2020)

	2018	2019	2020	Thứ hạng (năm 2020)
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26

Tính năng động của chính quyền	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15
Thiết chế pháp lý & ANTT	5.78	6.14	6.63	35

Nguồn: PCI Việt Nam (2020)

Hình 28. Biểu đồ điểm số hợp phần đào tạo lao động



Nguồn: PCI Vietnam (2020)

Trong hợp phần này, các chỉ tiêu về chất lượng lao động là vấn đề cần tập trung cải thiện. Cụ thể, khoảng 90% doanh nghiệp đánh giá lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng, xếp hạng 44 cả nước. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động chỉ đạt khoảng 8%, xếp hạng 49. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN đạt 51%, xếp hạng 52 cả nước.

Bảng 19. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Đào tạo lao động’

Chỉ tiêu	Điểm	Hạng
Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)	0.90	44
Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%)	0.08	49
Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	0.51	52

Để cải thiện hợp phần ‘Đào tạo lao động’, tỉnh Bình Dương cần tăng cường giáo dục văn hóa nghề nghiệp và bồi dưỡng kỹ năng mềm cho lực lượng lao động. Tỉnh cần khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo lao động, cung ứng nguồn lao động đáp ứng nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho lĩnh vực kinh tế trọng tâm. Ngoài ra, tỉnh nên hướng đến việc thu hút lao động chất lượng cao ngoài địa phương, bằng cách xây dựng cơ chế đặc thù thu hút lao động đã qua đào tạo, đồng thời rà soát các thủ tục hành chính liên quan đến thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh.

3.10. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

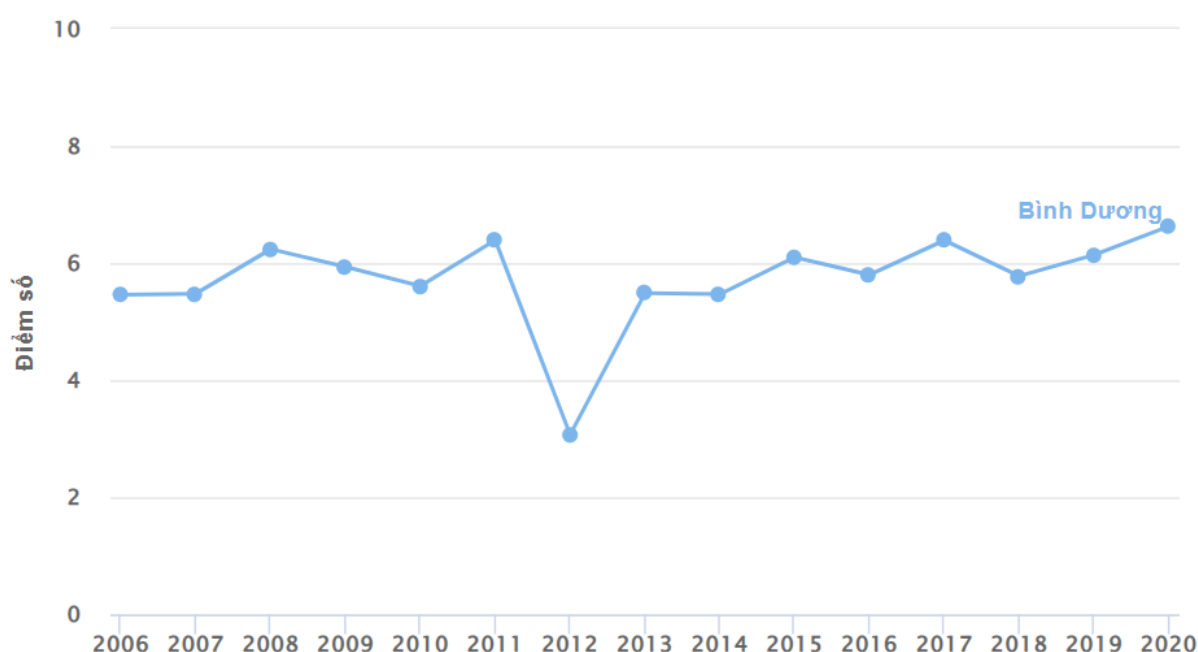
Hợp phần ‘Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự’ của tỉnh Bình Dương nằm ở nhóm trung bình thấp. Từ năm 2012, điểm số hợp phần này có xu hướng cải thiện, tuy nhiên biên độ không lớn. Đến năm 2020, hợp phần này đạt 6,63 điểm, xếp hạng 35 cả nước.

Bảng 18. Hợp phần tính năng động của chính quyền trong PCI (2018 – 2020)

	2018	2019	2020	Thứ hạng (năm 2020)
Gia nhập thị trường	7.83	6.83	8.05	24
Tiếp cận đất đai	7.12	7.67	6.92	22
Tính minh bạch	6.8	6.68	6.4	8
Chi phí thời gian	6.75	6.89	7.76	31
Chi phí không chính thức	5.78	6.11	6.98	17
Cạnh tranh bình đẳng	5.31	5.78	6.69	26
Tính năng động của chính quyền	6.85	6.56	7.09	8
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	6.6	6.57	7.48	3
Đào tạo lao động	6.84	7.41	6.92	15
Thiết chế pháp lý & ANTT	5.78	6.14	6.63	35

Nguồn: PCI Việt Nam (2020)

Hình 29. Biểu đồ điểm số hợp phần thiết chế pháp lý và an ninh trật tự



Nguồn: PCI Vietnam (2020)

Trong hợp phần ‘Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự’ của tỉnh Bình Dương, có một số vấn đề cần cải thiện. Thứ nhất là hoạt động của tòa án. Khoảng 81% doanh nghiệp cho rằng các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án, xếp hạng 47 toàn quốc. Bên cạnh đó, số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN còn tương đối thấp (1.33 vụ), xếp hạng 43. Thứ hai là vấn đề an ninh, an toàn cho doanh nghiệp. Khoảng 15% doanh nghiệp bị mất trộm tài sản năm qua, cao thứ 20 cả nước. Khoảng 2% doanh nghiệp cho biết phải trả tiền ‘bảo kê’ cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn, xếp hạng 16.

Bảng 20. Các chỉ tiêu cần tập trung cải thiện trong ‘Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự’

Chỉ tiêu	Điểm	Hạng
Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án (%)	0.81	47
Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN	1.33	43
Tỷ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%) *	0.15	20
Phải trả tiền ‘bảo kê’ cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%) *	0.02	16

Tỉnh Bình Dương cần chủ động tuyên truyền các văn bản pháp luật có liên quan đến các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh cho cộng đồng doanh nghiệp, qua đó khuyến khích doanh nghiệp sẵn sàng nhờ đến tòa án để giải quyết các tranh chấp. Chính quyền cũng

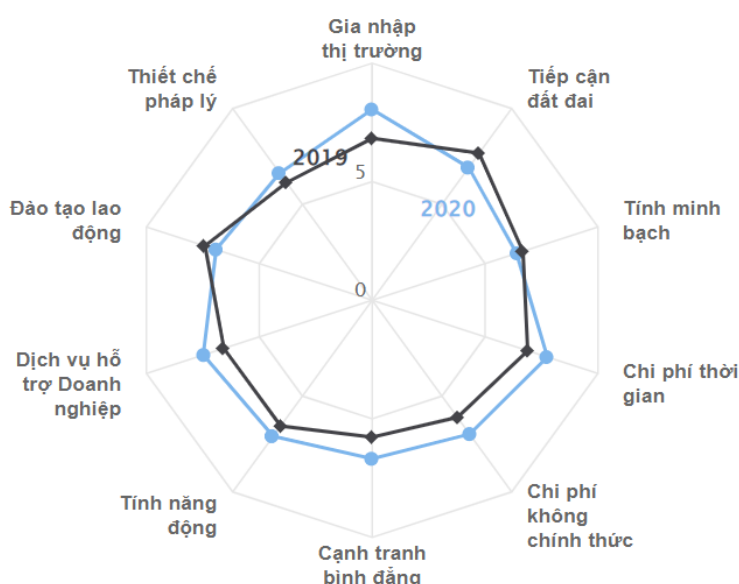
cần tăng cường hơn nữa các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, cũng như triệt tiêu tình trạng chi phí không chính thức trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng cách minh bạch hóa hoạt động ngành tòa án.

Bên cạnh đó, việc tăng cường an ninh, an toàn cho doanh nghiệp để giảm thiểu và ngăn chặn vấn nạn mất trộm, bảo kê là rất cần thiết để đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi tại địa phương.

3.11. Đánh giá chung về chỉ số PCI

Nếu so sánh tổng quan cho hai năm, từ 2019 đến 2020, chỉ số PCI của tỉnh Bình Dương có 7 hợp phần tăng và 3 hợp phần giảm. Hợp phần tăng điểm cao nhất là Gia nhập thị trường, nhưng cũng có hợp phần giảm điểm mạnh, nhất là tiếp cận đất đai của doanh nghiệp.

Hình 30. So sánh các hợp phần PCI của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019 - 2020



Bảng tổng hợp năm 2020 cho thấy hầu hết các chỉ số thành phần PCI của tỉnh Bình Dương có xếp hạng ở nhóm trung bình cao và cao. Điểm sáng của Bình Dương là các chỉ số Tính minh bạch, Tính năng động của chính quyền, Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và Đào tạo lao động. Xếp hạng thấp cho thấy những nỗ lực của địa phương đã có kết quả, khẳng định sức cạnh tranh của địa phương trên bình diện cả nhất. Tuy nhiên, như phân tích phía trên, Bình Dương còn rất nhiều điều cần cải thiện, đặc biệt là trong Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

Bảng 21. Tổng hợp xếp hạng các chỉ số thành phần PCI tỉnh Bình Dương năm 2020

Gia nhập thị trường	Tiếp cận đất đai	Tính minh bạch	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức
Cạnh tranh bình đẳng	Tính năng động của chính quyền	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	Đào tạo lao động	Thiết chế pháp lý & ANTT

Nhóm thấp nhất (49 – 63)	Nhóm trung bình thấp (33 – 48)	Nhóm trung bình cao (17-32)	Nhóm cao nhất (1-16)
--------------------------	--------------------------------	-----------------------------	----------------------

Để nâng cao xếp hạng PCI trong giai đoạn tới, Bình Dương cần có những giải pháp đồng bộ cả dài hạn và ngắn hạn. Đặc biệt, địa phương cần áp dụng cách tiếp cận toàn diện theo từng chỉ số phụ với mục tiêu cuối cùng là nâng cao chỉ số PCI chung. Nhận xét và giải pháp cải thiện từng chỉ số hợp phần được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 22. Tóm tắt các chỉ số nội dung của Bình Dương

Gia nhập thị trường
<p>Nhận xét:</p> <p>Điểm số hợp phần ‘Gia nhập thị trường’ là một trong những chỉ số thuộc nhóm xếp hạng trung bình cao trong tương quan với các tỉnh, thành khác.</p> <p>Đây là hợp phần có dư địa cải thiện rất lớn, phụ thuộc vào năng lực chuẩn hóa quy trình đăng ký cho doanh nghiệp. Với điều kiện hiện có, hoạt động này có thể được thực hiện với chi phí thấp và trong thời gian ngắn.</p>
<p>Giải pháp trọng tâm:</p> <p>Nâng cao năng lực, đưa ra quy trình chuẩn để cán bộ thực hiện hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ, nhiệt tình, thân thiện cho doanh nghiệp về thủ tục (thay đổi) ĐKKD.</p> <p>Rút ngắn số ngày đăng ký, thay đổi DKDN; hướng dẫn, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng CNTT trong thủ tục (thay đổi) ĐKKD.</p> <p>Áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001 nhằm chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính tạo sự công khai, minh bạch.</p>
Tiếp cận đất đai
<p>Nhận xét:</p> <p>Điểm số hợp phần ‘Tiếp cận đất đai’ của Bình Dương thuộc nhóm xếp hạng trung bình cao trong tương quan với các tỉnh, thành khác.</p>

Đây là lĩnh vực cần nỗ lực lớn để có thể cải thiện vì liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường và tính minh bạch.

Các giải pháp trọng tâm:

Công bố công khai, đầy đủ thông tin quy hoạch tới doanh nghiệp và người dân, gửi trực tiếp các thông tin về quy hoạch đất đai, bảng giá đất...vào thư điện tử của từng doanh nghiệp, hợp tác xã. Giảm rủi ro về thu hồi đất cho DN.

Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, thông tin về giá đất, công khai, minh bạch giá đất để các nhà đầu tư có cơ sở tiếp cận, nghiên cứu.

Chủ động tiếp cận, hướng dẫn doanh nghiệp, phân công một cán bộ chịu trách nhiệm cho một nhóm doanh nghiệp, trực tiếp nhận hồ sơ, trả lời vướng mắc đến khi hoàn tất thủ tục cho doanh nghiệp.

Tính minh bạch

Nhận xét:

Hợp phần “Tính minh bạch” của tỉnh Bình Dương thuộc nhóm cao trong xếp hạng của cả nước.

Hợp phần này yêu cầu đầu tư nguồn lực và sự theo dõi, đánh giá thường xuyên để có thể duy trì xếp hạng bền vững.

Các giải pháp trọng tâm:

Tập trung xây dựng hệ thống chuyển đổi số và phát triển chính quyền điện tử, phục vụ cho việc công khai các tài liệu, số liệu về ngân sách của tỉnh. Công khai, minh bạch trong thông tin mời thầu.

Cải thiện tính năng của trang thông tin điện tử chính thức, cũng như trang thông tin của các sở, ngành, nhất là trong đăng ký kinh doanh, hải quan, quản lý đầu tư, thuế.

Niêm yết công khai quy trình, thủ tục hành chính, các văn bản pháp lý liên quan; chú trọng việc lập các mẫu giấy tờ, thủ tục để người dân và doanh nghiệp có thể dễ dàng điền và hoàn thiện.

Giao bộ phận chuyên trách duy trì thông tin và phản hồi những câu hỏi của doanh nghiệp và nhà đầu tư trên trang thông tin.

Chi phí thời gian

Nhận xét:

Hợp phần ‘Chi phí thời gian’ của tỉnh Bình Dương thuộc nhóm trung bình cao của cả nước.

Chỉ số này không yêu cầu nhiều nguồn lực để cải thiện bền vững, nhưng cần có quyết tâm và thời gian để thay đổi thói quen và cơ chế làm việc của doanh nghiệp và cán bộ, công chức trong xử lý thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, quá trình cải thiện cũng yêu cầu cần có sự chỉ đạo, phối hợp đồng bộ trong hoạt động thanh kiểm tra.

Các giải pháp trọng tâm:

Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng tổng đài dịch vụ công 1022 và trang thông tin điện tử để nắm rõ các thủ tục, tìm hiểu về QĐPL, hạn chế việc phải đi lại nhiều lần.

Niêm yết công khai phí, lệ phí tại trung tâm hành chính công, hay các công thông tin điện tử của các sở, ban, ngành

Ngăn chặn, hạn chế các hoạt động thanh kiểm tra không cần thiết, chông chéo gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Chi phí không chính thức

Nhận xét:

Hợp phần chi phí không chính thức tỉnh Bình Dương thuộc nhóm xếp hạng trung bình cao của cả nước.

Đây là hợp phần tương đối thách thức để tiếp tục cải thiện vì liên quan đến tính minh bạch, tinh thần nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ của cán bộ thực thi.

Các giải pháp trọng tâm:

Động viên và tìm cách vận dụng tăng thu nhập cho cán bộ thực thi; khuyến khích việc xử lý triệt để các vi phạm; minh bạch hóa các hoạt động của chính quyền, đặc biệt là trong TTHC đất đai và đấu thầu.

Bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm làm công tác thanh tra, kiểm tra, nhấn mạnh tinh thần nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, và đạo đức công vụ.

Xây dựng bộ chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) nhằm trao thêm quyền cho doanh nghiệp đóng góp tiếng nói và thực thi vai trò giám sát các hoạt động của chính quyền tỉnh.

Công khai thông tin liên lạc để phản ánh các trường hợp tham nhũng, thanh tra, kiểm tra chưa đúng quy định.

Áp dụng các nền tảng thanh toán điện tử tại trung tâm hành chính tỉnh nhằm minh bạch hóa các khoản chi phí hành chính.

Cạnh tranh bình đẳng

Nhận xét:

Hợp phần ‘Cạnh tranh bình đẳng’ có xếp hạng thuộc nhóm trung bình cao của cả nước.

Đây là một hợp phần rất thách thức, cần nhiều thời gian và đẩy mạnh công tác truyền thông để có thể cải thiện.

Các giải pháp trọng tâm:

Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hỗ trợ công bằng cho các doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai, miễn/giảm thuế, thực hiện TTHC để thiết lập môi trường cạnh tranh bình đẳng.

Tính năng động của chính quyền

Nhận xét:

‘Tính năng động của chính quyền’ là một trong những hợp phần có xếp hạng thuộc nhóm cao của tỉnh Bình Dương.

Đây là hợp phần có nhiều dư địa để cải thiện trong bối cảnh tỉnh Bình Dương đang tích cực thực hiện các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư để duy trì động lực phát triển địa phương.

Các giải pháp trọng tâm:

Xây dựng chiến lược marketing địa phương, thường xuyên tham gia các hoạt động kết nối cung cầu và phát triển dịch vụ hỗ trợ.

Theo dõi, chỉ đạo sát sao để các sáng kiến hay ở cấp tỉnh được thực thi tốt ở các sở/ngành.

Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

Nhận xét:

Đây là hợp phần vượt trội nhất của tỉnh Bình Dương, xếp hạng thứ 3 toàn quốc.

Hầu hết các chỉ số con trong ‘Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp’ đều được đánh giá rất tốt, nằm trong top 10 cả nước, bao gồm các dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường, dịch vụ tư vấn pháp luật, dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh...

Đào tạo lao động

Nhận xét:

Hợp phần ‘Đào tạo lao động’ của tỉnh Bình Dương nằm trong nhóm cao trên cả nước.

Với đặc thù phát triển công nghiệp tại địa phương, việc thu hút, đảm bảo và cải thiện liên tục chất lượng nguồn nhân lực là vấn đề cần đặt ưu tiên cao và đầu tư nguồn lực tương xứng.

Các giải pháp trọng tâm:

Tăng cường giáo dục văn hóa, đào tạo nghề và bồi dưỡng kỹ năng mềm cho lực lượng lao động.

Thu hút lao động chất lượng cao ngoài địa phương, rà soát các thủ tục hành chính liên quan đến thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh.

Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

Nhận xét:

‘Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự’ là hợp phần cần lưu ý cải thiện tại Bình Dương vì có xếp hạng trong nhóm trung bình thấp và liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp.

Đây là hợp phần yêu cầu đầu tư nguồn lực, sự phối hợp đa ngành và cần có thời gian để cải thiện.

Các giải pháp trọng tâm:

Tăng cường tuyên truyền các văn bản pháp luật có liên quan đến các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh cho cộng đồng doanh nghiệp, qua đó khuyến khích doanh nghiệp sẵn sàng nhờ đến tòa án để giải quyết các tranh chấp.

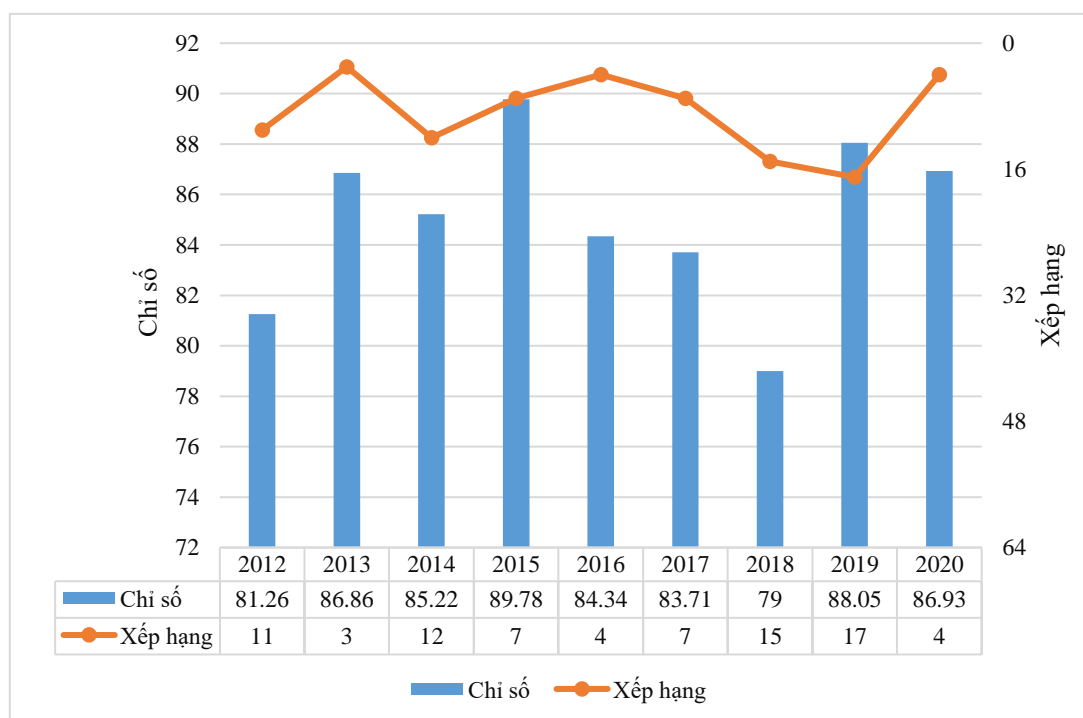
Tích cực trong các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, triệt tiêu tình trạng chi phí không chính thức trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng cách minh bạch hóa hoạt động ngành tòa án.

Tăng cường công tác giữ gìn an ninh trên địa bàn, ngăn chặn hoạt động của các tội phạm trộm cắp, bảo kê.

4. Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)

PAR đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các bộ và tỉnh, chủ yếu dựa trên phương pháp tự đánh giá với sự tham gia của các đơn vị trực tiếp triển khai chính sách, các đơn vị theo điều tra của xã hội học. Trong giai đoạn 2012 – 2020, chỉ số PAR của Bình Dương có điểm số tăng giảm thiểu ổn định. Tuy nhiên, Bình Dương luôn giữ vững vị trí trong nhóm xếp hạng cao của cả nước.

Hình 31. Chỉ số và xếp hạng PAR của Bình Dương (2012 - 2020)



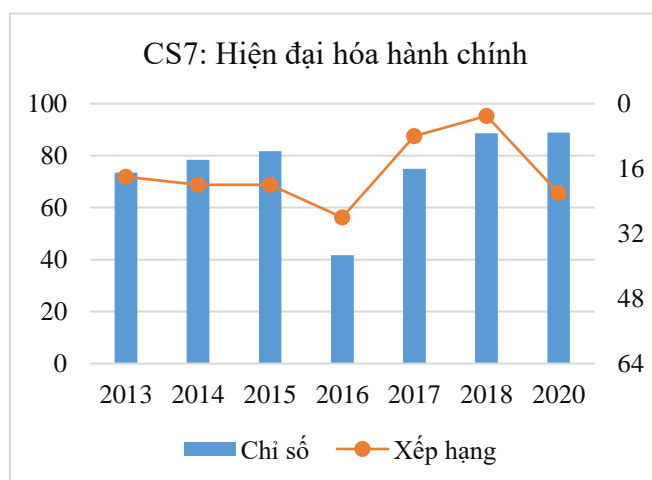
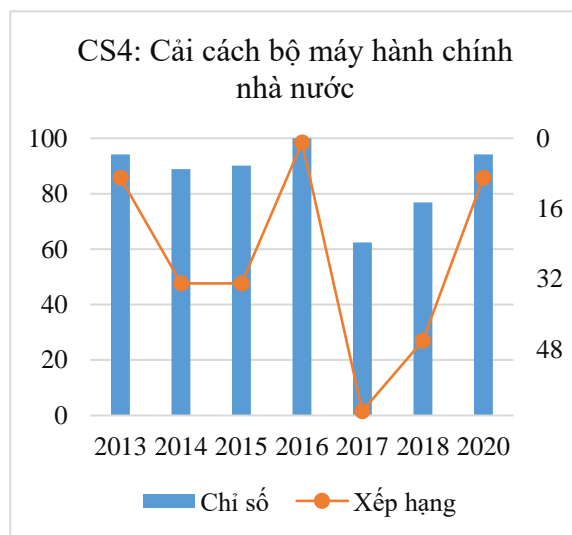
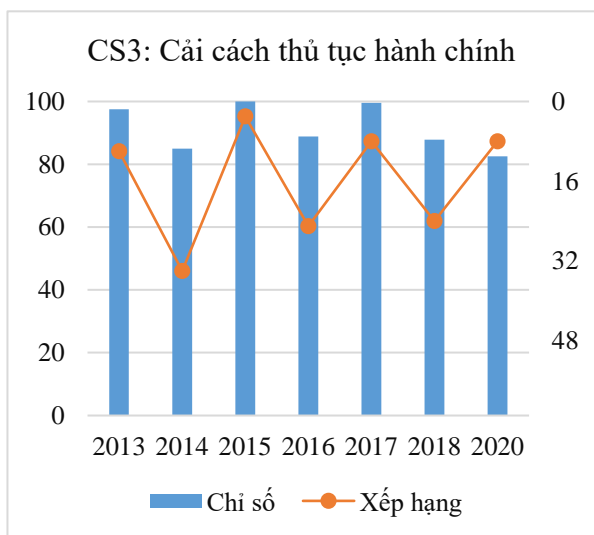
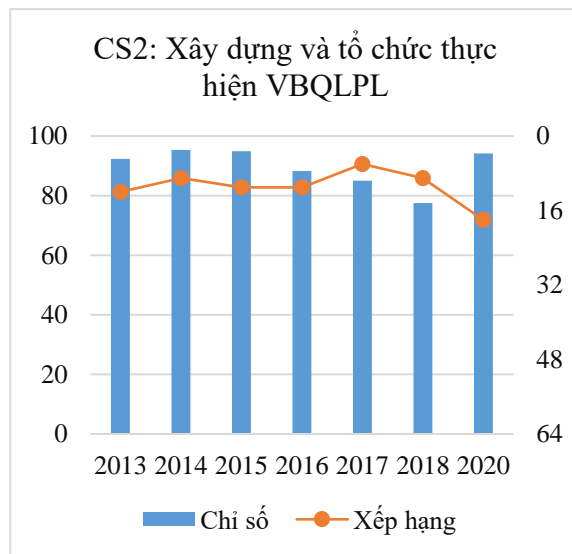
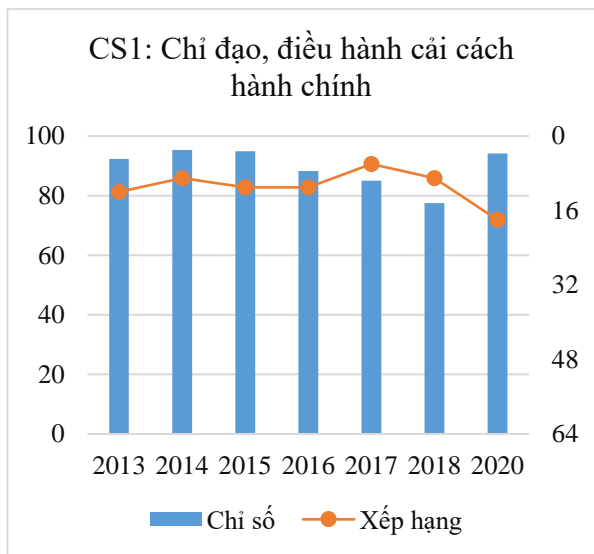
Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo PAR các năm

Trong các chỉ số thành phần của PAR, nhóm có xếp hạng tốt gồm có:

- CS1: chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính
- CS2: xây dựng và tổ chức thực hiện VBQLPL
- CS3: cải cách thủ tục hành chính
- CS4: cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước
- CS7: Hiện đại hóa hành chính

Những chỉ số thành phần này của Bình Dương có xếp hạng tốt, ổn định ở nhóm cao và trung bình cao. Điều này thể hiện thành tựu của tỉnh trong những năm qua trong cải cách bộ máy hành chính, đem lại tác động tích cực đến sự phát triển.

Hình 32. Nhóm chỉ số thành phần PAR có mức cải thiện tốt (2012 – 2020)

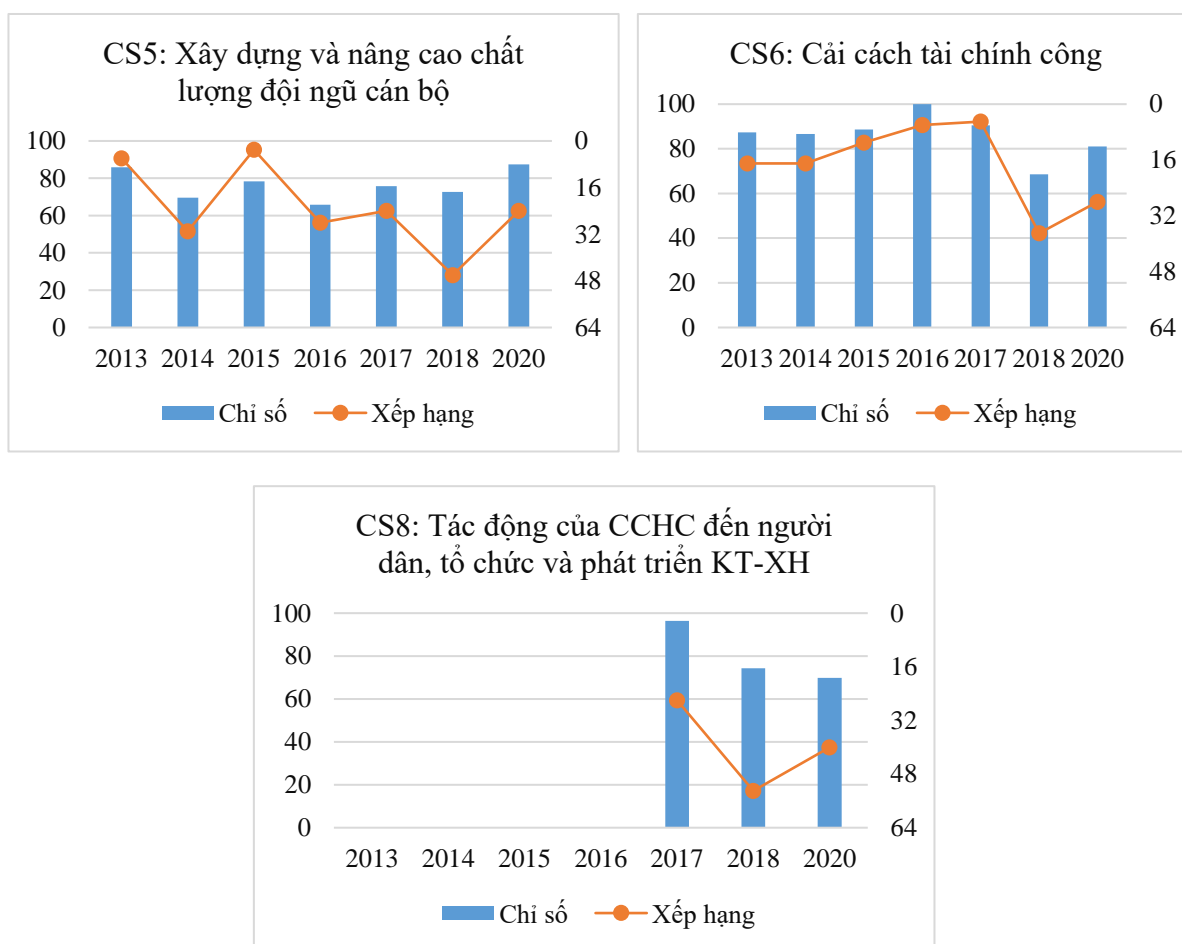


Thực tế, trong nhóm trên, chỉ số 1,2 và 7 có điểm số cải thiện từ năm 2018 – 2020, nhưng xếp hạng lại có xu hướng giảm. Điều này cho thấy tốc độ cải cách hành chính của địa phương đang có dấu hiệu tụt hậu so với các tỉnh, thành trong nhóm.

Nhóm chỉ số cần tập trung cải thiện gồm có:

- CS5: Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ
- CS6: Cải cách tài chính công
- CS8: Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH

Hình 33. Nhóm chỉ số thành phần PAR có mức cải thiện trung bình (2012 – 2020)



Đây là các chỉ số có xu hướng cải thiện không ổn định hoặc giảm, dẫn đến xếp hạng chung không vượt qua được ngưỡng trung bình của cả nước. Trong đó, các chỉ số Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, Cải cách tài chính công có điểm chung là từng đạt được xếp hạng rất cao trong giai đoạn 2013 – 2015, nhưng có xu hướng đi xuống trong những năm gần đây.

Để cải thiện các chỉ số trên, Bình Dương thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

CS5: Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

Hoàn thành tối đa kế hoạch đào tạo hằng năm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

<p>Thực hiện đầy đủ quy chế thi nâng ngạch công chức, thăng hạng</p> <p>Tuyển dụng công chức, viên chức theo đúng chỉ tiêu, trình độ, kế hoạch</p> <p>Thực hiện quy định bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý theo đúng quy trình, tiêu chuẩn</p> <p>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</p> <p>Đánh giá, phân loại công chức, viên chức tại từng đơn vị bằng cơ chế công bằng, minh bạch.</p>
<p>CS6: Cải cách tài chính công</p>
<p>Tổ chức thực hiện nghiêm túc và minh bạch công tác tài chính – ngân sách hằng năm</p> <p>Quản lý, sử dụng tài sản công đúng theo quy định, tránh tình trạng thất thoát, lãng phí</p> <p>Thực hiện đầy đủ cơ chế tự chủ tại đơn vị sự nghiệp công lập</p>
<p>CS8: Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH</p>
<p>Đẩy mạnh thu hút đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp</p> <p>Nghiên cứu kỹ lưỡng trong quá trình lập kế hoạch phát triển KT-XH hằng năm của địa phương, giảm thiểu tình trạng kết quả thực hiện các chỉ tiêu KT-XH không đạt mục tiêu đề ra.</p>

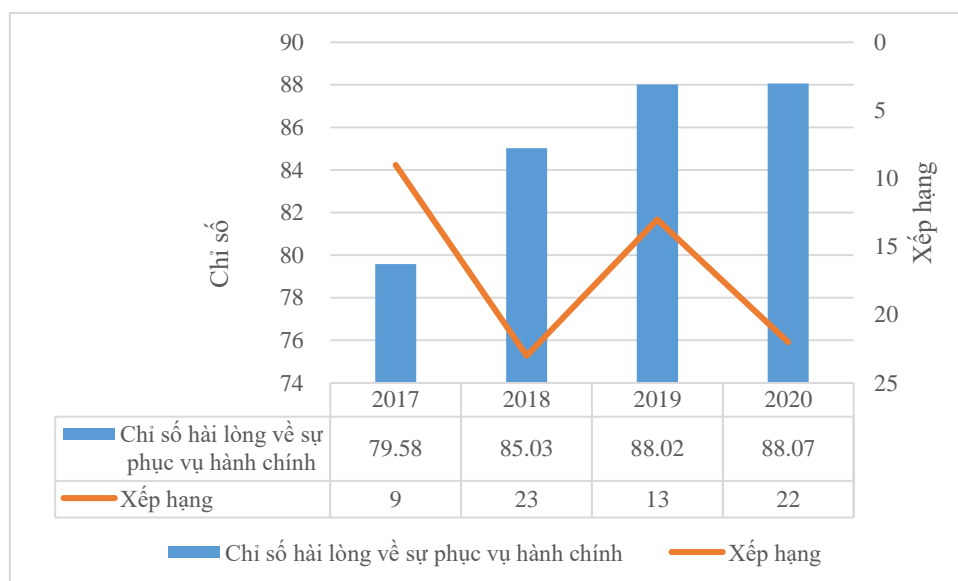
SIPAS đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Chỉ số SIPAS phản ánh đánh giá của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thông qua việc cung cấp các dịch vụ hành chính công cụ thể. SIPAS được tích hợp để trở thành 1 phần của báo cáo PAR.

Tiêu chí đo lường của SIPAS có 05 yếu tố cơ bản của quá trình cung ứng dịch vụ hành chính công, gồm:

- Tiếp cận dịch vụ hành chính công của cơ quan hành chính nhà nước;
- Thủ tục hành chính;
- Công chức giải quyết công việc;
- Kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công;
- Tiếp nhận, giải quyết góp ý, phản ánh, kiến nghị.

Chỉ SIPAS của Bình Dương có mức cải thiện liên tục về điểm số giai đoạn 2017 -2020. Tuy nhiên, xếp hạng của địa phương không duy trì được sự ổn định. Năm 2019, Bình Dương đã vươn lên xếp hạng thứ 13 cả nước. Đến năm 2020, chỉ số SIPAS của Bình Dương có sự tụt hạng, xếp thứ 22 toàn quốc.

Hình 34. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tỉnh Bình Dương (2017 - 2020)



Xếp hạng SIPAS của Bình Dương năm 2020 thuộc vào nhóm trung bình cao. Chỉ số SIPAS của Bình Dương phản ánh mức độ hài lòng ở mức độ trung bình của người dân và tổ chức đối với tiếp cận dịch vụ công, thủ tục hành chính, công chức, kết quả dịch vụ công và việc tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị.

Đáng chú ý, những năm trước đây, Bình Dương thường giữ vị trí quán quân SIPAS của vùng Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, tỉnh Đồng Nai đã vươn lên vị trí này trong năm 2020. Điều này cho thấy Bình Dương cần nỗ lực hơn nữa để duy trì tính thu hút của địa phương.

Thực tế, cải thiện chỉ số SIPAS không đòi hỏi quá nhiều nguồn lực, chủ yếu là đầu tư cải thiện cơ sở vật chất, ứng dụng CNTT, đặc biệt là tạo ra quy trình chuẩn trong tiếp nhận, xử lý TTHC trên tinh thần phục vụ. Cụ thể, cần tiến hành đồng bộ các giải pháp ở tất cả các cấp địa phương như sau:

Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ công
Đầu tư biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy, không gian phục vụ hành chính phù hợp, thân thiện, có chỗ ngồi đầy đủ tại trụ sở. Đầu tư trang thiết bị phục vụ hành chính đầy đủ, hiện đại, hoạt động tốt.
Đơn giản, minh bạch hóa thủ tục hành chính
Niên yết (bằng bản cứng tại trụ sở và bản mềm trên cổng thông tin) công khai, đầy đủ, dễ thấy về hồ sơ thủ tục và phí/lệ phí theo quy định. Thông báo và trả kết quả trong thời hạn quy định.
Nâng cao chất lượng cán bộ, công chức
Ban hành quy trình chuẩn cho cán bộ, công chức trong tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính theo tinh thần phục vụ:

Giao tiếp lịch sự, chú ý lắng nghe vấn đề của người dân, trả lời, giải thích đầy đủ và Hướng dẫn hồ sơ dễ hiểu.

Cải thiện chất lượng trả kết quả dịch vụ, thủ tục hành chính

Cấp có thẩm quyền thường xuyên rà soát về kết quả giải quyết thủ tục hành chính dựa trên các tiêu chí: đúng quy định, thông tin đầy đủ, thông tin chính xác, đảm bảo tính công bằng.

Áp dụng CNTT trong lấy ý kiến, nhận xét của người sử dụng dịch vụ về kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên phạm vi toàn tỉnh để có cơ sở giải quyết các tồn đọng, cải thiện chất lượng dịch vụ.

Nâng cao chất lượng xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị

Xây dựng quy trình chuẩn cho cán bộ, công chức trong tiếp nhận góp ý, phản ánh, kiến nghị.

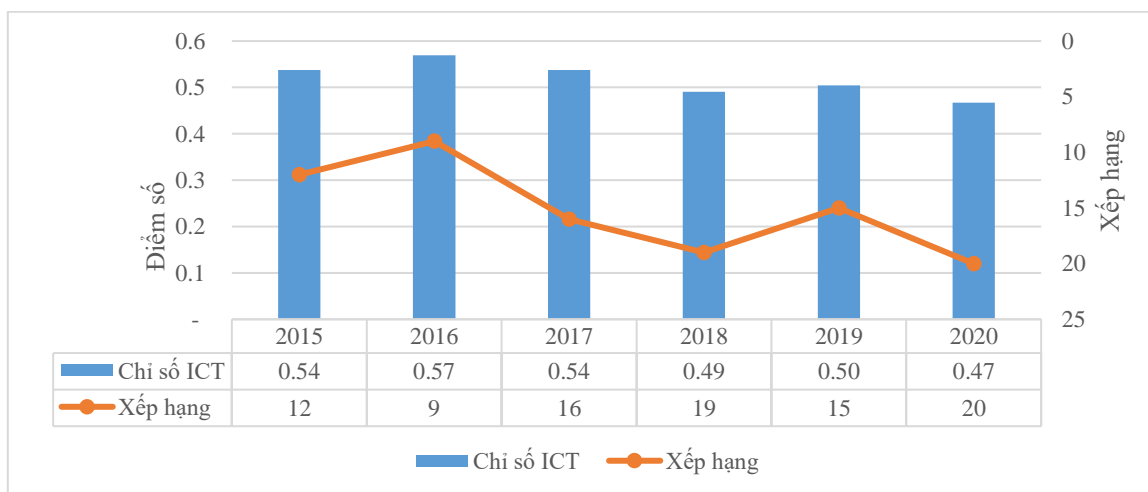
Liên tục lại kênh tiếp nhận góp ý, phản ánh, kiến nghị, đảm bảo thân thiện, dễ sử dụng.

Thông báo và trả kết quả xử lý góp ý, phản ánh, kiến nghị kịp thời, đúng quy định.

5. Chỉ số chính quyền điện tử (ICT index)

ICT Index là báo cáo hàng năm của Bộ Thông tin và Truyền thông, là chỉ số đo lường quá trình chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử. Chỉ số ICT của Bình Dương có xu hướng giảm mạnh trong giai đoạn 2015 – 2020, từ xếp hạng thứ 12 năm 2015 xuống xếp hạng thứ 20 năm 2020. Điều này thể hiện Bình Dương cần nhiều nguồn lực đầu tư và nỗ lực hơn nữa cho chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử.

Hình 35. Chỉ số ICT của tỉnh Bình Dương qua các năm



Trong ba chỉ số thành phần của ICT Index thì chỉ số về hạ tầng kỹ thuật của tỉnh Bình Dương là khá tốt với 0.46 điểm, xếp hạng 10 trên cả nước. Chỉ số này bao gồm các chỉ

số như tỷ lệ điện thoại, thuê bao Internet, máy tính trên 100 dân và trong cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, hai chỉ số thành phần còn lại của tỉnh Bình Dương khá thấp. Đầu tiên là hạ tầng nhân lực, tỉnh Bình Dương xếp hạng 27, với các chỉ tiêu như tỷ lệ người lớn biết đọc, viết, tỷ lệ học sinh đến trường trong độ tuổi đi học, tỷ lệ các trường có giảng dạy tin học ở mức trung bình của cả nước. Các chỉ tiêu trong hạ tầng nhân lực của cơ quan nhà nước như tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT, tỷ lệ cán bộ chuyên trách an toàn thông tin, tỷ lệ cán bộ được tập huấn, sử dụng phần mềm nguồn mở đều ở mức trung bình.

Bảng 23. Chỉ số ICT index của tỉnh Bình Dương năm 2020

Chỉ tiêu	Chỉ số	Xếp hạng
ICT index	0.46	22
Hạ tầng kỹ thuật	0.59	10
Hạ tầng kỹ thuật xã hội	0.72	5
Hạ tầng kỹ thuật cơ quan nhà nước	0.45	23
Hạ tầng nhân lực	0.63	27
Hạ tầng nhân lực xã hội	0.83	33
Hạ tầng nhân lực cơ quan nhà nước	0.43	26
Ứng dụng công nghệ thông tin	0.18	41
Ứng dụng CNTT cơ quan nhà nước	0.15	44
Dịch vụ công trực tuyến	0.21	36

Thứ hai là ứng dụng công nghệ thông tin, chỉ số mà tỉnh Bình Dương xếp hạng ở nhóm trung bình thấp. Về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, Bình Dương xếp thứ 44. Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh chỉ xếp hạng thứ 36 cả nước.

6. Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI)

Tăng cường tính minh bạch và công khai về ngân sách là một trong những nội dung quan trọng của cải cách tài chính công, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách của Chính phủ. Khảo sát POBI là khảo sát đầu tiên ở Việt Nam về mức độ công khai ngân sách tỉnh bắt đầu từ năm 2017. Chỉ số POBI là công cụ giúp các tỉnh, thành phố

có thể tham chiếu và đo đạc mức độ công khai, minh bạch trong quản lý Ngân sách nhà nước và mức độ thực thi Luật NSNN năm 2015.

Kết quả đo lường chỉ số POBI của Bình Dương được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 24. Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) của Bình Dương (2017 – 2020)

Chỉ số		2017	2018	2019	2020
Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI)	Chỉ số	53.9	53.34	82.31	84.23
	Xếp hạng	8	29	13	10
Các chỉ số thành phần					
Sự tham gia của người dân	Chỉ số	Chưa đo lường	33.33	6.78	65
	Xếp hạng		46/63	30/63	11/63
Công khai Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh	Chỉ số	Không công bố	6.15	14.97	17.62
	Xếp hạng		27/47	18/54	15/54
Công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND phê duyệt	Chỉ số	18.9	6.92	13.83	16.9
	Xếp hạng	10/51	32/59	21/58	8/60
Công bố tài liệu báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách quý I	Chỉ số	Chưa đo lường	5.38	5.08	5.8
	Xếp hạng		41/46	41/58	1/61
Công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách Quý 2	Chỉ số	Chưa đo lường	5.38	5.51	5.8
	Xếp hạng		50/53	43/58	1/60
Công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách Quý 3	Chỉ số	14.4	5.38	6.78	5.8
	Xếp hạng	18/28	45/46	21/55	1/58
Công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách cả năm	Chỉ số	6.7	4.62	6.78	5.8
	Xếp hạng	17/25	32/35	10/53	1/58
Công bố Quyết toán ngân sách tỉnh	Chỉ số	13.9	11.8	20.03	17.87
	Xếp hạng	4/49	36/54	11/57	29/59
Báo cáo ngân sách công dân	Chỉ số	Chưa đo lường	Không công bố	Đã công bố	Đã công bố
Công khai tài liệu đầu tư công	Chỉ số	Chưa đo lường	4.62	Không có thông tin	Không có thông tin
	Xếp hạng		10/46		

Công khai nợ công	Chỉ số	Chưa đo lường	Chưa đo lường	Không có thông tin	Không có thông tin
	Xếp hạng				
Kết quả thực hiện các khuyến nghị của kiểm toán nhà nước	Chỉ số	Chưa đo lường	Chưa đo lường	Không có thông tin	Không có thông tin
	Xếp hạng				
Các tiêu chí đánh giá chung					
Về tính thuận tiện của tài liệu công khai		Chưa đo lường	Cập nhật đầy đủ nhưng ở định dạng pdf và file ảnh, khó sử dụng	Không có thông tin	Cập nhật đầy đủ, thuận tiện cho việc sử dụng
Về tính sẵn có, kịp thời và đầy đủ của tài liệu		Công khai 4/5 loại tài liệu bắt buộc	Công khai 8/9 loại tài liệu bắt buộc	Không có thông tin	Công khai 9/11 loại tài liệu bắt buộc
Về sự tham gia của người dân		Chưa đo lường	Ít tạo cơ hội để người dân tham gia	Không có thông tin	Thuận lợi để người dân tham gia

Ghi chú:

- Chưa đo lường: Vào năm tương ứng, báo cáo POBI chưa đo lường/đánh giá tiêu chí này.
- Không công bố: Tỉnh Bình Dương không công bố công khai thông tin tương ứng.
- Không có thông tin: Báo cáo POBI không đưa ra thông tin cụ thể.

Chỉ số POBI cho thấy Bình Dương vẫn ở nhóm đầu trong xếp hạng công khai ngân sách. Quan sát cho thấy việc công bố các tài liệu liên quan đến ngân sách đã có sự tiến bộ nhanh chóng trong giai đoạn 2017 - 2020. Những thay đổi trong trang web của Sở tài chính cũng được đánh giá cao trong báo cáo POBI. Trong thời gian tới, địa phương cần tiếp tục duy trì xu hướng cải thiện trên.

IV. Đánh giá về quản trị công tại Bình Dương

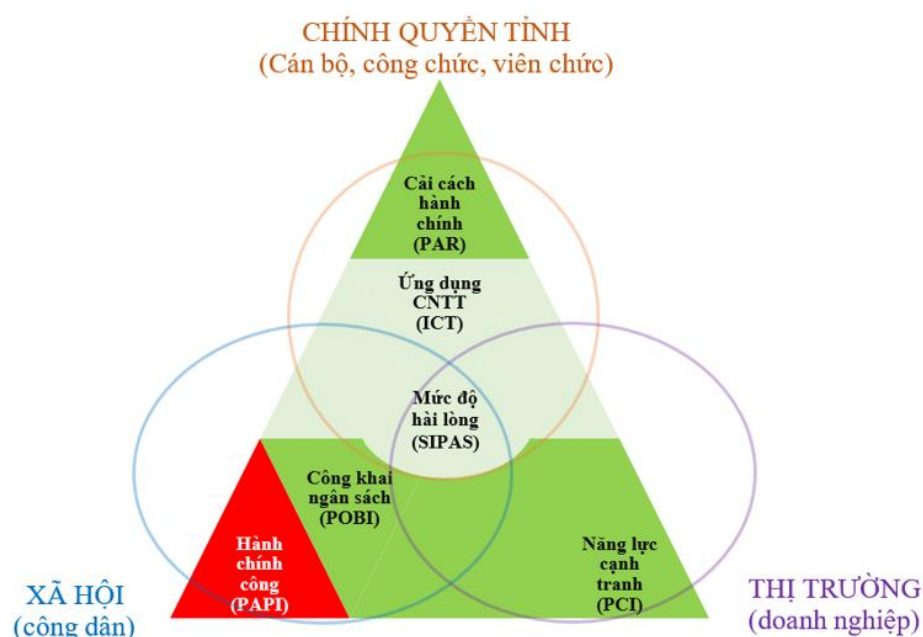
1. Đánh giá chung

Nhìn chung, tỉnh Bình Dương là địa phương có chất lượng quản trị tốt so với cả nước, hầu hết các chỉ số đều có xếp hạng trong nhóm cao hoặc trung bình cao. Trong đó, nổi bật là chỉ số về năng lực cạnh tranh (PCI) và cải cách hành chính (PAR) nằm trong nhóm cao nhất cả nước nhiều năm liền. Bình Dương cũng cho thấy khả năng thích ứng và nắm bắt rất tốt các xu thế mới, thể hiện qua việc đạt kết quả cao trong nhóm chỉ số

về ứng dụng công nghệ thông tin (ICT) và công khai ngân sách (POBI). Chất lượng quản trị công cao trong một thập kỷ qua đã giúp Bình Dương trở thành địa phương công nghiệp với kết quả phát triển kinh tế nổi bật nhất cả nước.

Tuy nhiên, môi trường quản trị công của Bình Dương hiện đang thiếu đi tính đồng bộ. Trong khi chỉ số cải cách hành chính và môi trường kinh doanh được đánh giá cao, cảm nhận của người dân về chất lượng quản trị công lại ở nhóm thấp nhất cả nước (hình 38). Đáng chú ý, vấn đề này đã diễn ra trong một thời gian dài và chưa có những dấu hiệu cải thiện rõ rệt (hình 39).

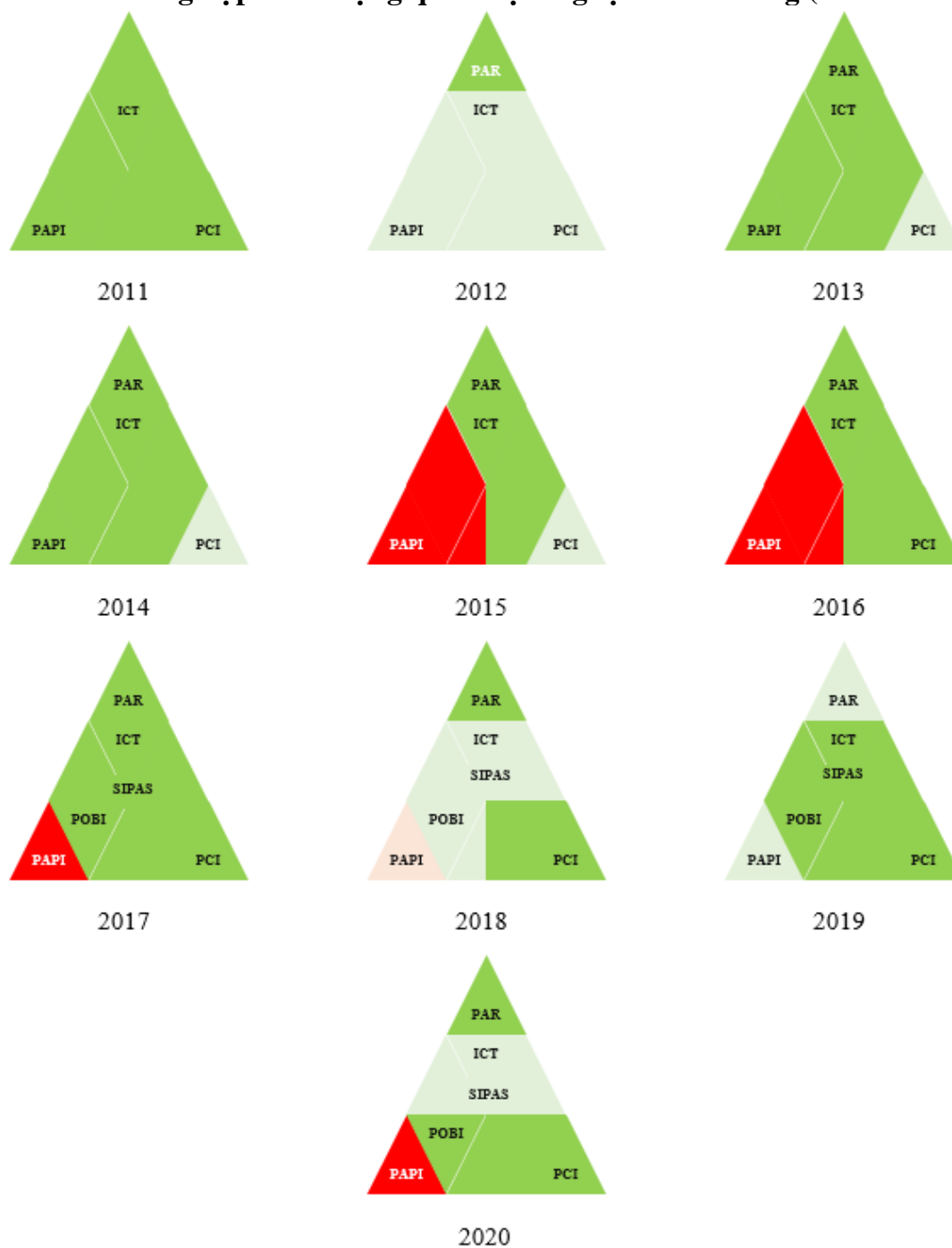
Hình 36. Tổng hợp xếp hạng quản trị công tại Bình Dương năm 2020



Nhóm thấp nhất (49 – 63)	Nhóm trung bình thấp (33 – 48)	Nhóm trung bình cao (17-32)	Nhóm cao nhất (1-16)
-----------------------------	-----------------------------------	--------------------------------	-------------------------

Điều này đã và đang đặt ra thách thức rất lớn cho địa phương, đặc biệt là trong bối cảnh Bình Dương nỗ lực chuyển mình từ một tỉnh công nghiệp sang hình ảnh địa phương đáng sống. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, việc cải thiện cảm nhận của người dân về chất lượng quản trị công là rất cần thiết. Điều này càng trở nên rõ ràng hơn trong đại dịch Covid-19, khi năng lực của chính quyền trong tương tác, quản lý và hỗ trợ người dân quyết định rất lớn tới sự gắn bó của người lao động với địa phương nơi làm việc.

Hình 37. Tổng hợp chất lượng quản trị công tại Bình Dương (2011 – 2020)



Nhóm thấp nhất (49 – 63)	Nhóm trung bình thấp (33 – 48)	Nhóm trung bình cao (17-32)	Nhóm cao nhất (1-16)
-----------------------------	-----------------------------------	--------------------------------	-------------------------

Chất lượng quản trị công được định hình bởi quá trình tương tác của 3 trụ cột: Nhà nước, Xã hội và Thị trường. Do vậy, trong thời gian tới, Bình Dương cần ưu tiên cải thiện chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) và duy trì đà xếp hạng cao của các chỉ số còn lại. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hậu Covid-19 khi các địa phương cùng tham gia vào cuộc đua phục hồi kinh tế, thu hút lao động và doanh nghiệp. Trong

dài hạn, một nền quản trị công chất lượng cao là nền tảng để đảm bảo tính hấp dẫn của địa phương.

2. Giải pháp cải thiện chất lượng quản trị công

Tại các phần phía trên, báo cáo đã đưa ra giải pháp cải thiện riêng cho mỗi bộ chỉ số (PCI, PAPI, PAR, ICT, SIPAS, POBI). Trong đó, một số giải pháp cần đầu tư rất nhiều nguồn lực và thời gian để thu được kết quả. Mặt khác, một số giải pháp có thể được thực hiện với chi phí thấp và trong thời gian ngắn. Trong điều kiện nguồn lực của mình, Bình Dương cần kết hợp hài hòa cả 2 cách tiếp cận trên để cải thiện các chỉ số một cách bền vững.

Tuy nhiên, với đặc trưng của quản trị công là sự tương tác lẫn nhau giữa các trụ cột, bộ giải pháp cần được xây dựng và thực hiện một cách đồng bộ, nhất quán để tạo đột phá thay vì chỉ tập trung vào 1 số điểm riêng lẻ. Đây là một tiến trình rất thách thức vì liên quan đến thể chế và con người với phạm vi tác động lớn.

Thách thức này được thể hiện rõ trong những năm qua, khi chỉ một số ít các tỉnh, thành giữ vững được xếp hạng PCI và PAPI trong nhóm cao nhất như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Đồng Tháp, Đà Nẵng. Phần lớn các địa phương có xếp hạng thấp hoặc không ổn định, có thể đạt được thành tích tốt trong một thời gian nhưng dễ dàng tụt lại nhóm sau. Bình Dương cũng không phải là ngoại lệ.

Do đó, cần giải quyết một cách căn cơ và dài hạn mối quan hệ giữa 3 trụ cột Nhà nước, Thị trường, Xã hội. Điều này chỉ có thể đạt được khi triển khai công cụ được thiết kế đồng bộ, kỹ lưỡng, khóa lắp được các khoảng trống giữa 3 trụ cột một cách liên tục, bền vững và tích hợp với hệ thống quản trị công hiện hành. M-score và Quản trị thực thi là 2 công cụ tiềm năng để giải quyết vấn đề này.

2.1. Công cụ Dân chấm điểm M-score – Giải quyết vấn đề của Người dân và Doanh nghiệp

a. Giới thiệu chung

M-score là công cụ chấm điểm các dịch vụ hành chính công, nhằm khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ công thông qua khảo sát (cuộc gọi, tin nhắn, ...). M-score mang lại lợi ích kép: (1) thể hiện sự lắng nghe của chính quyền với người dân và doanh nghiệp, từ đó trực tiếp cải thiện chỉ số PAPI và PCI, (2) xác định và xử lý kịp thời những vấn đề tồn đọng trong cung cấp dịch vụ công.

Nói cách khác, M-score là công cụ giúp Chính quyền lắng nghe người dân và doanh nghiệp một cách trực tiếp và liên tục. Từ đó, cải thiện chỉ số PAPI và PCI nhanh chóng nhưng vẫn đảm bảo tính căn cơ, bền vững.

b. Cách thức triển khai

Chọn mẫu. M-score cố gắng khảo sát toàn bộ các doanh nghiệp và người dân đến làm thủ tục tại trung tâm hành chính công địa phương. Trong trường hợp số lượng doanh nghiệp

vượt quá năng lực đáp ứng, M-score sẽ chọn mẫu đại diện phân theo loại hình, ngành nghề kinh tế và tuổi của doanh nghiệp. Cách chọn mẫu này tương đồng với PCI, đảm bảo tính gắn kết cao nhất giữa 2 công cụ.

Tuy nhiên, trường hợp số lượng người dân vượt quá năng lực đáp ứng, M-score sẽ không áp dụng phương pháp chọn mẫu “xác suất quy mô dân số” của PAPI. Thay vào đó, M-score chọn mẫu đại diện theo loại hình dịch vụ công tại các địa phương để phù hợp hơn với mục tiêu và điều kiện khảo sát.

Bộ câu hỏi M-score. Bộ câu hỏi M-score được điều chỉnh phù hợp với bộ câu hỏi PCI và PAPI cũng như điều kiện từng địa phương. Bảng hỏi M-score có thiết kế ngắn gọn với 3-5 câu hỏi về trải nghiệm dịch vụ công, những vấn đề gặp phải (nếu có) và đánh giá mức độ hài lòng của người sử dụng.

Triển khai khảo sát M-score. Sau khi doanh nghiệp và người dân sử dụng dịch vụ hành chính công, phỏng vấn viên sẽ gọi điện để khảo sát ý kiến. Các hình thức khảo sát khác như nhắn tin, trả lời qua máy tính bảng và ứng dụng điện thoại được áp dụng theo hoàn cảnh thực tế. Khảo sát tuân thủ nguyên tắc độc lập và bảo mật thông tin người trả lời. Kết quả khảo sát M-score được tổng hợp, phân tích và báo cáo định kỳ.

Nhóm khảo sát M-score. Khảo sát được thực hiện bởi cơ quan nghiên cứu độc lập, đảm bảo tính khách quan cao nhất. Đội ngũ 3-5 phỏng vấn viên được tuyển chọn tại mỗi địa phương và được tập huấn về quy trình phỏng vấn chuyên nghiệp.

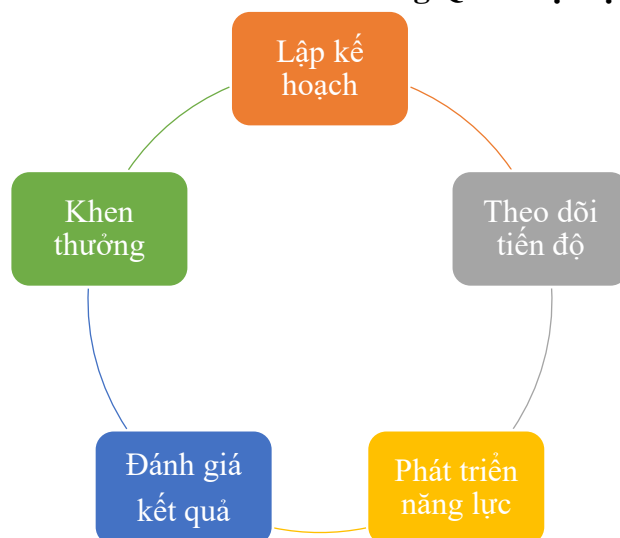
Đối tác địa phương. Đối tác thực hiện khảo sát M-score gồm có cơ quan chủ trì của địa phương, trung tâm hành chính công cấp tỉnh và huyện, các cơ quan truyền thông liên quan. Sau quá trình triển khai, hệ thống M-score sẽ được bàn giao để địa phương thực hiện trong dài hạn.

2.2. Quản trị thực thi – Nâng cao hiệu quả quản của cơ quan công quyền

a. Giới thiệu chung

Quản trị thực thi là cơ chế quản trị kết quả làm việc của cá nhân/đơn vị trong bộ máy hành chính qua chu trình 05 bước. Đây là cơ chế giúp hệ thống quản trị nhân sự trở nên chuyên nghiệp hơn với nguyên tắc lấy hiệu suất công việc và tính công bằng làm trung tâm. Công cụ quản trị thực thi trực tiếp hỗ trợ cải thiện chỉ số PAR.

Sơ đồ 2. Chu trình 05 bước trong Quản trị thực thi



b. Cách thức triển khai

Lập kế hoạch thực thi được thực hiện vào đầu năm làm việc, nhằm đặt ra các kế hoạch, mục tiêu của đội ngũ cán bộ và đơn vị trong năm. Kế hoạch làm việc của cá nhân được liên kết chặt chẽ với kế hoạch của đơn vị. Công tác lập kế hoạch cần có sự tham gia của toàn thể đội ngũ cán bộ, giúp họ hiểu rõ các mục tiêu chung, lý do đặt ra những mục tiêu đó, những việc cần làm và cách thức hoàn thành mục tiêu hiệu quả nhất.

Theo dõi tiến độ là hoạt động giám sát thực hiện kế hoạch đã đề ra. Người theo dõi (cấp trên) bám sát tiến độ triển khai và đưa ra phản hồi. Hệ thống theo dõi tiến độ là tiền đề giúp bộ máy hoạt động hiệu quả, phát hiện và giải quyết sớm các vấn đề phát sinh.

Nâng cao năng lực gồm tập huấn, đào tạo, giao nhiệm vụ cho cá nhân/đơn vị. Đây là khâu quan trọng, không chỉ đảm bảo mỗi cá nhân/đơn vị có đầy đủ năng lực làm việc mà còn tạo động lực cho bộ máy hoạt động với hiệu suất và trách nhiệm cao hơn.

Đánh giá kết quả làm việc được tiến hành dựa trên quy trình “đánh giá 360 độ”. Theo đó, kết quả công việc của cá nhân được đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành kế hoạch, ý kiến của cấp trên, đồng cấp, cấp dưới, và khách hàng (người sử dụng dịch vụ công). Ý kiến của từng đối tượng được gán với trọng số nhất định, tùy thuộc vào đặc thù từng vị trí công việc.

Cơ chế khuyến khích, khen thưởng là sự công nhận kết quả làm việc của công nhân, viên chức với tư cách là cá nhân cũng như là thành viên của đơn vị. Việc khuyến khích, khen thưởng có thể thực hiện dưới nhiều hình thức (vật chất hoặc phi vật chất) theo quy định.

c. Những khác biệt cơ bản giữa Quản trị truyền thống và Quản trị thực thi

Quản trị truyền thống	Quản trị thực thi
Lập kế hoạch	
Lập kế hoạch ở cấp cơ quan, đơn vị.	Lập kế hoạch đến cấp cá nhân/bộ phận, liên kết chặt chẽ với kế hoạch chung của đơn vị.
Cá nhân hiểu về các mục tiêu chung của đơn vị, nhưng nhân viên thường không định hình được rõ vai trò của mình trong hoàn thành mục tiêu chung.	Cá nhân hiểu rõ về mục tiêu chung của đơn vị và vai trò của mình, chủ động thực hiện công tác trong kế hoạch.
Theo dõi tiến độ	
Tổng kết cuối kỳ, giữa kỳ các chỉ tiêu đã đặt ra.	Theo dõi và cập nhật liên tục tiến độ các công việc trong kế hoạch
Tập chung báo cáo các dự án lớn, quan trọng.	Hệ thống theo dõi bao quát toàn bộ các công việc trong kế hoạch.
Đánh giá kết quả	
Đánh giá thuần túy định tính, lấy ý kiến	Đánh giá kết hợp định tính và định lượng theo cơ chế xuyên suốt, minh bạch.
Lấy ý kiến nội bộ từ phía đồng nghiệp, cấp trên	Đánh giá 360 độ, bổ sung thêm ý kiến của cấp dưới và người sử dụng dịch vụ công.
Chưa tạo được động lực cho đội ngũ cán bộ để nâng cao tính hiệu quả của bộ máy	Hiệu quả công việc được ghi nhận, đem tới các cơ hội nâng cao năng lực và khen thưởng cho đội ngũ cán bộ, tạo quán tính cải thiện theo vòng xoáy đi lên.

2.3. Xây dựng đội ngũ dám nghĩ, dám làm

Năm 2020, tỉnh Bình Dương đã thành lập Tổ công tác và Tổ giúp việc thực hiện Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Tuy nhiên, để cải thiện chất lượng quản trị công một cách đồng bộ, không thể chỉ dừng lại ở những hoạt động riêng rẽ của PCI.

Tỉnh Bình Dương cần có một nhóm cán bộ chuyên trách, nắm rõ từng chỉ số thành phần, từ đó tham mưu xây dựng, thực hiện và theo dõi liên tục các Chương trình và Kế hoạch hành động liên quan. Nhóm chuyên trách cần áp dụng cách tiếp cận tập trung vào kết quả (result-oriented) với mục tiêu nâng cao một cách thực chất các chỉ số đo lường chất lượng quản trị công của địa phương.

2.4. Xây dựng liên minh triển khai và lực lượng ủng hộ

Đề huy động liên minh triển khai và lực lượng ủng hộ mạnh mẽ cho nhóm chuyên trách, địa phương cần thể chế hóa các nội dung về quản trị công. Nghị quyết 01-NQ/ĐH ngày 19/10/2020 của tỉnh đã nhấn mạnh nội dung “*Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng KHCN theo hướng đô thị thông minh*” là 1 trong 9 nhiệm vụ trọng tâm, và “*Không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo nên những động lực mới, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng thu hút đầu tư để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội*” là 1 trong 8 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Điều này thể hiện quyết tâm của địa phương trong cải thiện các khía cạnh của chất lượng quản trị trong nhiệm kỳ tới.

Tuy nhiên, Bình Dương có thể tham khảo thêm kinh nghiệm của Quảng Ninh - địa phương dẫn đầu cả nước về chất lượng quản trị công. Quảng Ninh đưa mục tiêu giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về các chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Sự cụ thể, rõ ràng về mục tiêu trong quản trị công như trên sẽ tạo ra nền tảng rất tốt để huy động sự ủng hộ cho triển khai các hoạt động của bộ phận chuyên trách.

Bên cạnh đó, sự đồng hành của người dân và doanh nghiệp là yếu tố rất quan trọng. Để có được điều này, địa phương cần lắng nghe người dân và doanh nghiệp trong cả trước, trong và sau khi thực hiện thủ tục hành chính (tư vấn, tiếp nhận, xử lý, trả kết quả, lấy ý kiến) theo quy trình chuẩn. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, công khai kịp thời, đầy đủ các tài liệu, thông tin theo quy định đến người dân và doanh nghiệp cũng cần được chú ý và theo dõi thường xuyên.

2.5. Phối hợp với những đối tác có lợi ích dài hạn

Các hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức xã hội dân sự, đơn vị nghiên cứu là những đối tác có lợi ích dài hạn với việc cải thiện chất lượng dịch vụ công. Sự tham gia của các nhân tố trên trong thời gian vừa qua tại Bình Dương là chưa thực sự rõ ràng.

Trong bối cảnh tỉnh phải cạnh tranh với các địa phương khác, đây sẽ là những nguồn thông tin tư vấn và lực lượng đồng hành quan trọng với các sáng kiến của Bình Dương, giúp nâng cao chất lượng quản trị với cả 3 trụ cột là Nhà nước, Xã hội và Thị trường.